

Bản tin

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số ra ngày 30/9/2023



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
binhtth@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
47/GP-XBBT ngày 18/8/2023

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CAO SU	5
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	11
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	16
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	20
THỊ TRƯỜNG THỊT	24
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	29
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	33
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	37

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ Cao su: Giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt châu Á tháng 9/2023 có xu hướng tăng.
- ▶ Cà phê: Cuối tháng 9/2023, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn tháng 1/2024 trên thị trường thế giới tăng so với cuối tháng 8/2023; giá cà phê Arabica giảm mạnh.
- ▶ Hạt điều: Trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hạt điều của Đức tăng 15,1% về lượng và tăng 21,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái; xuất khẩu hạt điều của Bra-xin sang Hoa Kỳ, Úc-hen-ti-na và Ca-na-đa tăng.
- ▶ Rau quả: Cơ quan Hải quan Trung Quốc cấp phép nhập khẩu dưa tươi từ Căm-pu-chia và bơ tươi từ Vê-nê-xuê-la. Ai Cập tạm thời cấm xuất khẩu hành tây.
- ▶ Thịt: Tháng 9/2023, giá lợn hơi tại Hoa Kỳ có xu hướng giảm, trong khi giá thịt lợn tại Trung Quốc tăng.
- ▶ Thủy sản: Ngành nuôi cá rô phi Trung Quốc đang đối mặt với tình trạng thiếu cá và cá giống trầm trọng khiến giá tăng mạnh. Người tiêu dùng Trung Quốc ngày càng quan tâm đến tính bền vững của thủy sản. Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đã đưa ra đề xuất sửa đổi quy định về tiêu chuẩn đối với đặc tính và quy cách đóng gói của cá ngừ đóng hộp.
- ▶ Gỗ và sản phẩm gỗ: 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 13,7 tỷ USD, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm 2022.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- ▶ **Cao su:** Tháng 9/2023, giá mủ cao su trong nước tăng theo xu hướng giá thế giới. Xuất khẩu cao su của Việt Nam tháng 9/2023 ước tính đạt 210 nghìn tấn, trị giá 270 triệu USD, tăng 8,5% về lượng, nhưng giảm 3,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc 8 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ **Cà phê:** Giá cà phê Robusta trong nước cuối tháng 9/2023 tăng từ 700 – 1.000 đồng/kg so với cuối tháng 8/2023. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam tháng 9/2023 giảm mạnh. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Đức tăng từ 19,24% trong 7 tháng đầu năm 2022 lên 23,35% trong 7 tháng đầu năm 2023.
- ▶ **Hạt điều:** Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam tháng 9/2023 tăng mạnh so với tháng 9/2022 do xuất khẩu hạt điều W320, W240, W180... tăng. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm từ 89,97% trong 7 tháng đầu năm 2022 xuống 87,76% trong 7 tháng đầu năm 2023.
- ▶ **Rau quả:** Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam tháng 9/2023 ước đạt 4,2 tỷ USD, tăng 71,8% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần quả mã HS 080450 và HS 089010 của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Úc tăng.
- ▶ **Thịt:** Giá lợn hơi trong nước giảm do dịch tả lợn châu Phi xuất hiện ở một số vùng khiến người dân đẩy mạnh bán lợn ra thị trường. Tháng 8/2023, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam tiếp tục tăng; nhập khẩu tăng nhẹ về lượng nhưng giảm về trị giá.
- ▶ **Thủy sản:** Xuất khẩu thủy sản tháng 9/2023 tiếp tục dấu hiệu phục hồi khi mức giảm là thấp nhất kể từ tháng 11/2022 đến nay. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm mạnh xuống còn 4,2% trong 8 tháng đầu năm 2023 từ mức 9,4% trong 8 tháng đầu năm 2022.
- ▶ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam 9 tháng năm 2023 ước đạt 9,7 tỷ USD, giảm 21,3% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Anh giảm.



THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt châu Á tháng 9/2023 có xu hướng tăng.
- ▶ Tháng 9/2023, giá mủ cao su trong nước tăng theo xu hướng giá thế giới.
- ▶ Xuất khẩu cao su của Việt Nam tháng 9/2023 ước tính đạt 210 nghìn tấn, trị giá 270 triệu USD, tăng 8,5% về lượng, nhưng giảm 3,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc 8 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

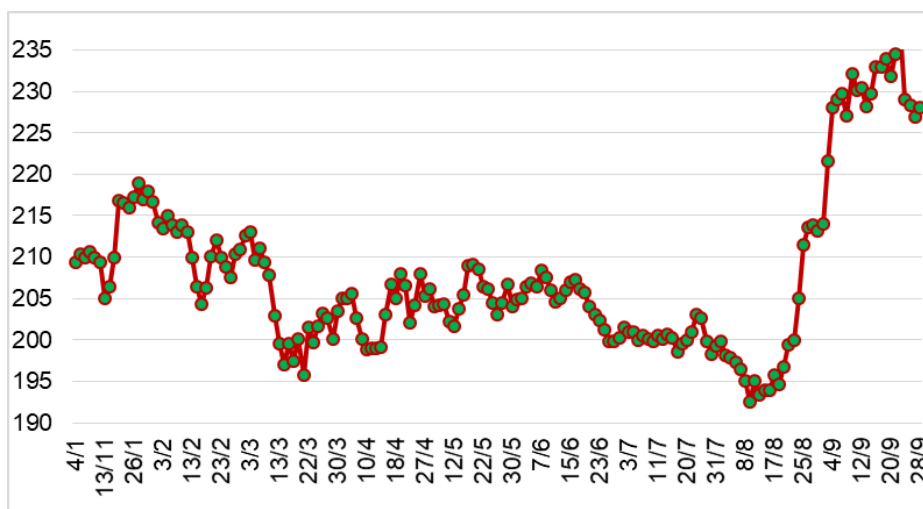
Trong tháng 9/2023, giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt châu Á được hỗ trợ bởi sự lạc quan của thị trường về chính sách tài khoá của Trung Quốc và giá dầu thô tăng mạnh. Giá dầu tăng lên mức cao nhất trong hơn một năm đã khuyến khích người dùng chuyển từ cao su tổng hợp có nguồn gốc từ dầu mỏ sang sử dụng cao su tự nhiên.

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) Nhật Bản, giá cao su có nhiều biến động, sau khi tăng lên mức cao nhất tháng vào ngày 22/9/2023 (lên mức 237,7 Yên/kg), giá giảm trở lại, nhưng so với tháng trước giá vẫn tăng. Ngày



28/9/2023, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 228 Yên/kg (tương đương 1,53 USD/kg), tăng 6,5% so với cuối tháng 8/2023 và tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Diễn biến giá cao su RSS3 giao tại sàn Osaka từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: Yên/kg)



Nguồn: cf.market-info.jp

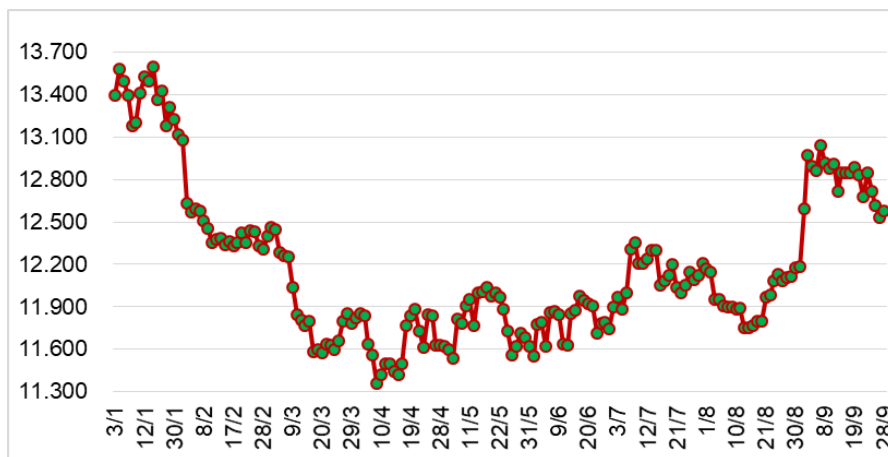
+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su tăng lên mức cao nhất tháng vào ngày 12/9/2023 (lên mức 12.920 NDT/

tấn), sau đó giảm trở lại, nhưng so với cuối tháng trước giá vẫn tăng nhẹ. Ngày 28/9/2023, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 12.580 NDT/tấn

(tương đương 1,72 USD/kg), tăng 3,3% so với cuối tháng 8/2023, nhưng giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2022. Tuần tính đến ngày 22/9/2023, tồn kho cao su tự nhiên của Sở giao dịch chứng khoán Thượng Hải đạt 236.252 tấn, tăng 2.058

tấn so với tuần trước đó; lượng thu vào kho đạt 215.330 tấn, tăng 7.010 tấn so với 10 ngày trước đó. Lượng cao su tồn kho số 20 đạt 71.164 tấn, tăng 2.821 tấn và lượng thu vào kho đạt 66.125 tấn, giảm 1.412 tấn so với 10 ngày trước đó.

Diễn biến giá cao su tại sàn SHFE từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, giá cao su RSS3 có xu hướng tăng mạnh kể từ đầu tháng. Ngày 28/9/2023, giá cao su RSS3 chào bán ở mức 55,86 Baht/

kg (tương đương 1,52 USD/kg), tăng 7% so với cuối tháng 8/2023 và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2022.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Tháng 8/2023, sản lượng cao su tổng hợp của Trung Quốc đạt 794 nghìn tấn, tăng 6,7% so với tháng 7/2023 và tăng 14,2% so với tháng 8/2022. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, sản lượng cao su tổng hợp của Trung Quốc đạt 5,79 triệu tấn, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Tại Thái Lan, trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cao su tự nhiên (không bao gồm cao

su hỗn hợp) của Thái Lan đạt 1,76 triệu tấn, giảm 23% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tổng xuất khẩu cao su tiêu chuẩn đạt 979 nghìn tấn, giảm 15%; Xuất khẩu cao su hun khói đạt 242 nghìn tấn, giảm 21%; Xuất khẩu mủ cao su đạt 524 nghìn tấn, giảm 32% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu cao su tự nhiên của Thái Lan sang Trung Quốc đạt 666 nghìn tấn, giảm 3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tổng

xuất khẩu cao su tiêu chuẩn sang Trung Quốc đạt 425 nghìn tấn, tăng 16%; Tổng xuất khẩu cao su hun khói sang Trung Quốc đạt 51 nghìn tấn, tăng 46%; Tổng lượng mủ cao su xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 191 nghìn tấn, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2022.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong tháng 9/2023, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước có xu hướng tăng so với tháng trước. Hiện giá thu mua mủ cao su tại Bình Phước dao động ở mức 265-285 đồng/TSC, tăng 10 đồng/TSC so với cuối tháng 8/2023; tại Đồng Nai dao động ở mức 255-265 đồng/TSC, tăng 10 đồng/TSC. Trong khi, tại các vùng nguyên liệu ở các tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng và Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh giá mủ nước dao động ở mức 240-270 đồng/TSC, tăng nhẹ so với cuối tháng 8/2023.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 9/2023 ước tính đạt khoảng 210 nghìn tấn, trị giá 270 triệu USD, giảm 5,6% về lượng và giảm 6,1% về trị giá so với tháng 8/2023; So với tháng 9/2022 tăng 8,5% về lượng, nhưng giảm 3,7% về trị giá. Giá xuất khẩu cao su bình quân ở mức 1.283 USD/tấn, giảm 0,6% so với tháng 8/2023 và giảm 11,2% so với tháng 9/2022. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cao su ước tính đạt khoảng 1,42 triệu tấn, trị giá 1,89 tỷ USD, tăng 1,6% về lượng, nhưng giảm 17,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Trong 8 tháng đầu năm 2023, các chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280), Latex, SVR 10, SVR 3L, SVR CV60, RSS3, SVR 20... Trong đó, hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280) vẫn được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 66,96% về lượng và chiếm 67,67% về trị giá trong tổng xuất khẩu cao su của cả nước, với 809,62 nghìn tấn, trị giá 1,1 tỷ USD, tăng 19,4% về lượng, nhưng giảm 3,4% về trị giá so với cùng kỳ

Bên cạnh đó, Thái Lan đã xuất khẩu tổng cộng 2,99 triệu tấn hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su hỗn hợp trong 8 tháng đầu năm 2023, giảm 8,5% so với cùng kỳ năm 2022; tổng xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 1,88 triệu tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2022.

Tại các công ty cao su, giá mủ nước cũng được điều chỉnh tăng. Tại công ty Cao su Phước Hòa ghi nhận tăng 20 đồng/TSC, đẩy giá thu mua lên mức 293-295 đồng/TSC; giá mủ cao su Phú Riêng dao động ở mức 265-285 đồng/TSC, tăng 15 đồng/TSC so với cuối tháng 8/2023. Công ty Cao su Bình Long giữ ở mức 265-275 đồng/TSC, tăng 6 đồng/TSC. Công ty Cao su Bà Rịa điều chỉnh tăng giá thu mua mủ nước lên mức 265-275 đồng/TSC, tăng 19 đồng/TSC so với cuối tháng 8/2023.

năm 2022. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm tới 99,73% về lượng và chiếm 99,56% về trị giá trong tổng hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của cả nước, với 807,39 nghìn tấn, trị giá 1,09 tỷ USD, tăng 19,4% về lượng, nhưng giảm 3,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhìn chung trong 8 tháng đầu năm 2023, nhiều chủng loại cao su xuất khẩu giảm cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, xuất khẩu một số chủng loại cao su vẫn tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2022, trong đó đáng chú ý như: Cao su tái sinh, Skim block, SVR CV40, RSS4..., nhưng các chủng loại này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam.

Về giá xuất khẩu: Trong 8 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân các chủng loại cao su đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022, trong đó giá giảm mạnh nhất là Skim block giảm 28,1%; Latex giảm 24,3%; RSS3 giảm 22,7%; Cao su hỗn hợp (HS: 4005) giảm 22,4%; SVR 10 giảm 20,9%...

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2023

Chủng loại	8 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/ tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ
Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280)	809.620	1.099.144	1.358	19,4	-3,4	-19,2
Latex	122.351	116.454	952	-25,7	-43,7	-24,3
SVR 10	76.585	104.425	1.364	-25,9	-41,4	-20,9
SVR 3L	71.122	106.282	1.494	-31,6	-44,5	-18,8
SVR CV60	44.221	69.158	1.564	4,4	-14,9	-18,5
RSS3	32.120	47.824	1.489	-24,5	-41,7	-22,7
SVR 20	13.134	17.940	1.366	-31,3	-44,1	-18,6
Cao su tổng hợp	10.472	23.672	2.260	-50,7	-55,6	-10
SVR CV50	9.466	14.836	1.567	-23,7	-38,5	-19,4
Cao su tái sinh	7.258	4.550	627	41,4	34,2	-5,1
RSS1	6.836	10.627	1.555	18,7	-5,4	-20,3
Cao su hỗn hợp (HS: 4005)	1.540	3.239	2.103	-30,9	-46,4	-22,4
SVR 5	1.525	2.348	1.539	-6,1	-23,5	-18,5
Skim block	526	530	1.007	57	12,8	-28,1
RSS4	440	645	1.465			
SVR CV40	363	581	1.599	79,7	45,4	-19,1
Cao su tự nhiên ADS	60	87	1.451			
RSS5	20	30	1.480			
Cao su dạng Crếp	8	50	6.309	-84,9	-84,2	4,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 8 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu 5,35 triệu tấn cao su (HS 4001, 4002, 4003, 4005), với trị giá 7,98 tỷ USD, tăng 13,9% về lượng, nhưng giảm 9,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Bồ Biển Ngà và Nga là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc. Trừ Ma-lai-xi-a, lượng cao su nhập khẩu từ các thị trường này đều tăng khá so với cùng kỳ năm 2022.

Trong 8 tháng đầu năm 2023, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với 976,1 nghìn tấn, trị giá 1,3 triệu USD, tăng 16,7% về lượng, nhưng giảm 6,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 18,23% trong tổng lượng cao su nhập khẩu của Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2023, cao hơn so với mức 17,79% của 8 tháng đầu năm 2022.

10 thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2023

Thị trường	8 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NK (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NK	8 tháng năm 2022	8 tháng năm 2023
Tổng	5.354.586	7.987.187	1.492	13,9	-9,6	-20,6	100,0	100,0
Thái Lan	2.054.387	2.828.057	1.377	13,8	-7,8	-19,0	38,37	38,37
Việt Nam	976.101	1.302.703	1.335	16,7	-6,6	-19,9	17,79	18,23
Ma-lai-xi-a	449.666	621.801	1.383	-1,9	-22,0	-20,5	9,75	8,40
Bờ Biển Ngà	354.434	466.020	1.315	92,1	50,9	-21,5	3,92	6,62
Nga	337.676	485.940	1.439	85,1	38,8	-25,0	3,88	6,31
Hàn Quốc	223.393	386.336	1.729	0,8	-17,5	-18,2	4,72	4,17
Mi-an-ma	203.840	238.935	1.172	8,0	-25,3	-30,8	4,01	3,81
In-đô-nê-xi-a	187.045	284.732	1.522	23,0	-3,1	-21,2	3,23	3,49
Lào	104.854	136.237	1.299	-19,4	-33,6	-17,7	2,77	1,96
Nhật Bản	98.271	349.092	3.552	-21,2	-28,2	-9,0	2,65	1,83
Thị trường khác	364.920	887.333	16.123	-12,9	-22,4	490,9	8,91	6,81

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Về chủng loại nhập khẩu: Trong 8 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu cao su tự nhiên và cao su tổng hợp, nhập khẩu các chủng loại này đều có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, cao su tự nhiên chiếm 31,58% tổng lượng cao su nhập khẩu của Trung Quốc, trong khi cao su tổng hợp chiếm 67,18%; Phần còn lại là cao su tái sinh và cao su hỗn hợp.

Trong 8 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu 1,69 triệu tấn cao su tự nhiên (HS 4001), với trị giá 2,2 tỷ USD, tăng 6,7% về lượng, nhưng giảm 16,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhập khẩu từ các thị trường như:



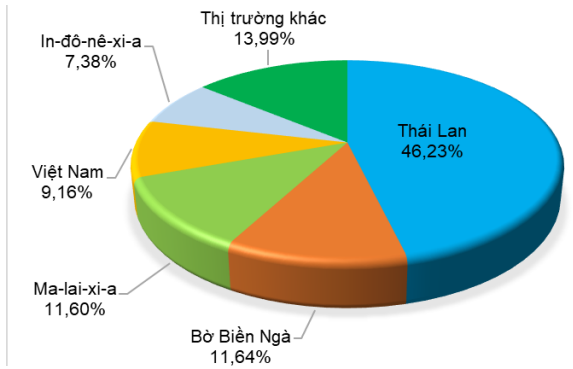
Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam. Trừ Bờ Biển Ngà và In-đô-nê-xi-a, lượng cao su tự nhiên nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Trong 8 tháng đầu năm 2023, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 5 cho Trung Quốc với 124,63 nghìn tấn, trị giá 135,94 triệu USD, giảm 14,2% về lượng và giảm 34,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam chiếm 7,37% trong tổng lượng cao su tự nhiên nhập khẩu của Trung Quốc, thấp hơn so với mức 9,16% của 8 tháng đầu năm 2022.

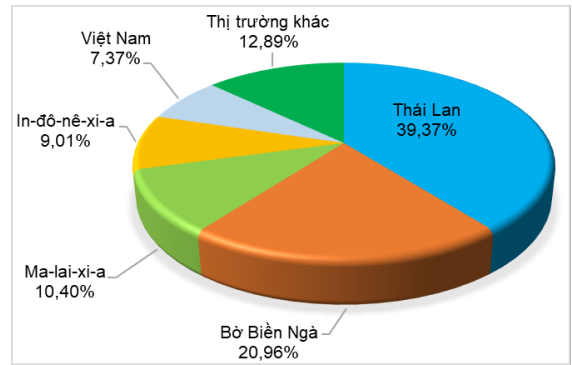
Trong 8 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu cao su tự nhiên từ các thị trường như: Bờ Biển Ngà, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-líp-pin, Gha-na, Ca-mơ-run, Ga-bon, Xri Lan-ca... Trong khi đó, Trung Quốc giảm nhập khẩu cao su tự nhiên từ một số thị trường chủ chốt như: Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Lào, Căm-pu-chia... so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên cho Trung Quốc (% tính theo lượng)

8 tháng đầu năm 2022



8 tháng đầu năm 2023



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trong 8 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc cũng nhập khẩu 2,6 triệu tấn hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280), với trị giá 3,59 tỷ USD, tăng 25,7% về lượng, nhưng giảm 1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma và Lào là 5 thị trường lớn nhất cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp cho Trung Quốc.

Trong 8 tháng đầu năm 2023, Việt Nam là thị trường cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp lớn thứ hai cho Trung Quốc với 846,06 nghìn tấn, trị giá 1,15 tỷ USD, tăng 23,4% về lượng, nhưng giảm 1,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Việt Nam chiếm 32,51% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Trung Quốc,

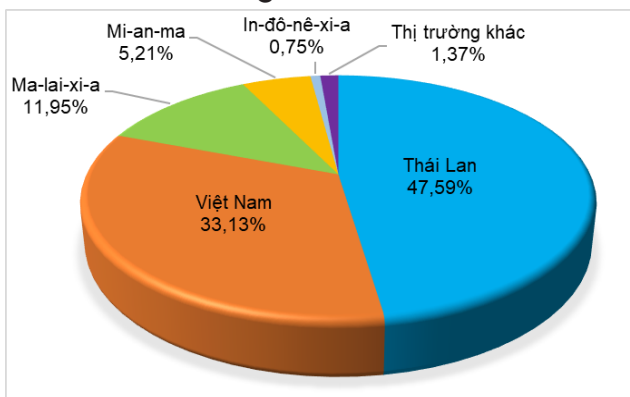
thấp hơn so với mức 33,13% của 8 tháng đầu năm 2022.

Đáng chú ý, trong 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Trung Quốc từ Thái Lan cũng tăng mạnh, với 1,34 triệu tấn, trị giá 1,86 tỷ USD, tăng 36% về lượng và tăng 6,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Thái Lan chiếm tới 51,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu chủng loại cao su này của Trung Quốc, tăng mạnh so với mức 47,59% của 8 tháng đầu năm 2022.

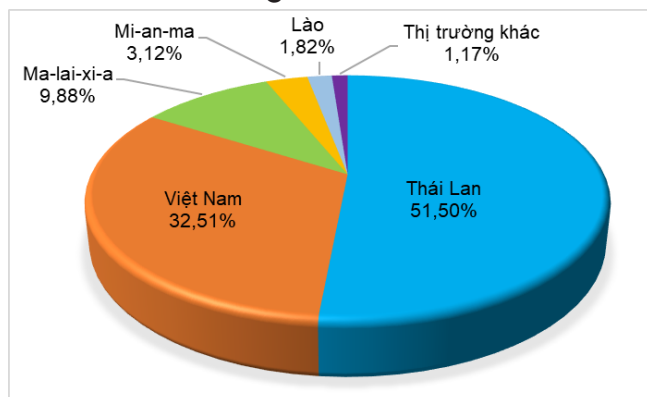
Ngoài ra, Trung Quốc cũng đẩy mạnh nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp từ các thị trường như: Ma-lai-xi-a, Lào, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Đài Loan; trong khi giảm nhập khẩu từ Mi-an-ma, Căm-pu-chia... so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu thị trường cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp cho Trung Quốc (% tính theo lượng)

8 tháng đầu năm 2022



8 tháng đầu năm 2023



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Cuối tháng 9/2023, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn tháng 1/2024 trên thị trường thế giới tăng so với cuối tháng 8/2023; giá cà phê Arabica giảm mạnh.
- ▶ Giá cà phê Robusta trong nước cuối tháng 9/2023 tăng từ 700 – 1.000 đồng/kg so với cuối tháng 8/2023.
- ▶ Tháng 9/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm mạnh.
- ▶ Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Đức tăng từ 19,24% trong 7 tháng đầu năm 2022 lên 23,35% trong 7 tháng đầu năm 2023.

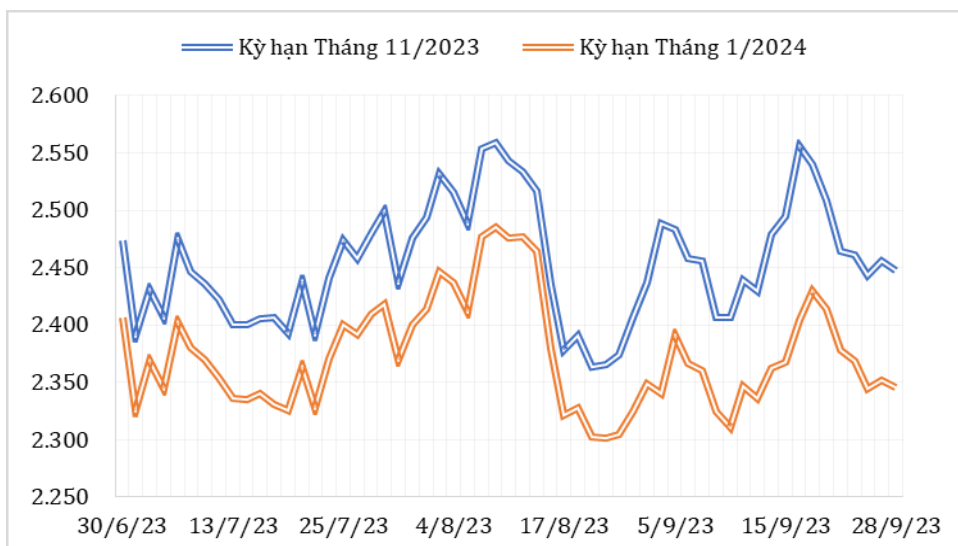
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Tháng 9/2023, giá cà phê Robusta biến động không đồng nhất so với cuối tháng 8/2023; cà phê Arabica giảm mạnh.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 28/9/2023, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 11/2023 và tháng 5/2024 giảm lần lượt 1,6% và 0,7% so với ngày 30/8/2023. Ngược lại, giá cà phê giao kỳ hạn tháng 1/2024 tăng 0,3% so với cuối tháng 8/2023, lên mức 2.346 USD/tấn.



Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ cuối tháng 6/2023 đến nay (ĐVT: USD/tấn)

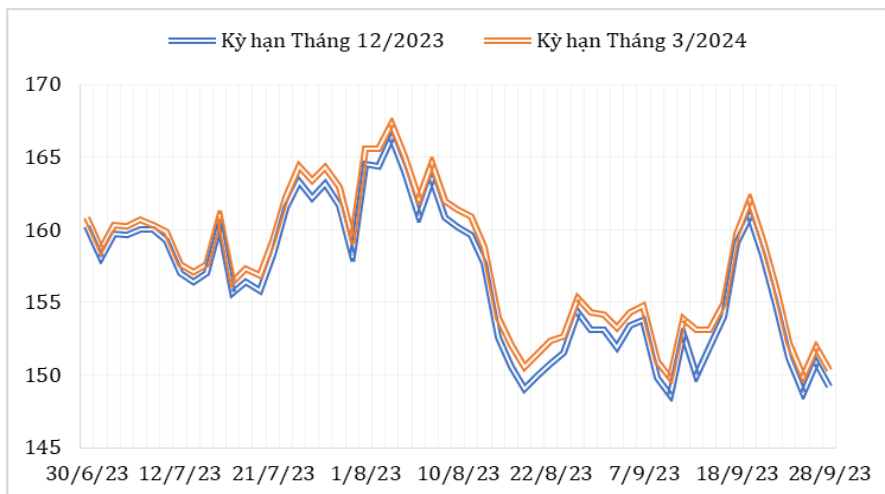


Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 28/9/2023, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 12/2023 và tháng 3/2024 cùng giảm 2,5% so với ngày 30/8/2023, xuống còn 149,25 Uscent/lb và

150,35 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 5/2024 và tháng 7/2024 giảm lần lượt 2,7% và 2,6% so với ngày 30/8/2023, xuống còn 150,95 Uscent/lb và 151,75 Uscent/lb.

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ cuối tháng 6/2023 đến nay
(ĐVT: Uscent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 28/9/2023, giá cà phê Arabica giao kỳ tháng 12/2023, tháng 3/2024 và tháng 5/2024 giảm lần lượt 2,5%, 1,4% và 3,0% so với ngày 30/8/2023, xuống còn 182,25 Uscent/lb; 183,5 Uscent/lb và 180,1 Uscent/lb.

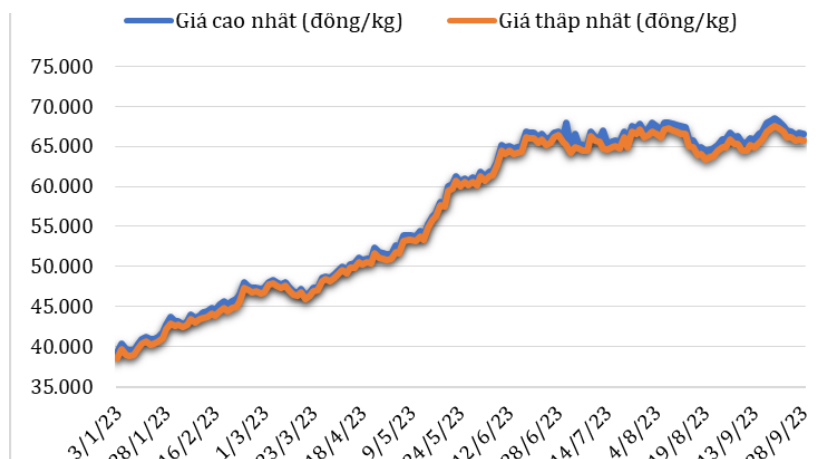
Dự báo giá cà phê có xu hướng giảm. Đồng real của Bra-xin giảm xuống mức thấp gần 4 tháng, đã khuyến khích người Bra-xin tăng bán ra. Trong khi đó, Việt Nam chuẩn bị bước vào vụ thu hoạch cà phê niên vụ 2023/24, bắt đầu từ tháng 10 tới.

TRONG NƯỚC: GIÁ TĂNG TỪ 7.00 – 1.000 ĐỒNG/KG

Tháng 9/2023, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa tăng. Ngày 28/9/2023, giá cà phê Robusta tăng từ 700 – 1.000 đồng/kg so với cuối tháng 8/2023. Cụ thể, tại các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông, giá cà phê Robusta cùng tăng 700 đồng/kg, lên mức 66.100 – 66.300 đồng/kg; tại tỉnh Lâm Đồng, giá tăng 800 đồng/kg, lên mức 65.700 đồng/kg; tại tỉnh Gia Lai, giá tăng mạnh nhất 1.000 đồng/kg, lên mức 66.100 đồng/kg.



Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa từ đầu năm 2023



Nguồn: giacaphe.com

THÁNG 9/2023, XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM GIẢM

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2023 ước tính đạt 65 nghìn tấn, trị giá 205 triệu USD, giảm 23,2% về lượng và giảm 20,8% về trị giá so với tháng 8/2023, so với tháng 9/2022 giảm 32,7% về lượng và giảm 12,8% về trị giá. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước tính đạt 1,266 triệu tấn, trị giá 3,16 tỷ USD, giảm 7,3% về lượng, nhưng tăng 1,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Về giá: Ước tính, tháng 9/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam đạt mức 3.151 USD/tấn, tăng 3,2% so với tháng 8/2023 và tăng 29,6% so với tháng 9/2022. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước đạt mức 2.499 USD/tấn, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu chủng loại: Tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê Robusta và Arabica giảm so với cùng kỳ năm 2022, nhưng xuất khẩu cà phê Excelsa và chế biến tăng.

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê Robusta trong tháng 8/2023 đạt xấp xỉ 67,9 nghìn tấn, trị giá 168,58 triệu USD, giảm 30,9% về lượng và giảm 14% về trị giá so với tháng 8/2022. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê Robusta đạt xấp xỉ 1,07 triệu tấn, trị giá 2,29 tỷ USD, giảm 5,8% về lượng, nhưng tăng 2,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, lượng xuất khẩu cà phê Robusta sang nhiều thị trường giảm, gồm: Đức, Tây Ban Nha, Bỉ, Anh, Phi-líp-pin ... Ngược lại, xuất khẩu cà phê Robusta sang nhiều thị trường tăng, gồm: Ý, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga...

Chủng loại cà phê xuất khẩu trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Chủng loại	Tháng 8/2023		So với tháng 8/2022 (%)		8 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm ngoái (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Robusta	67.886	168.586	-30,9	-14,0	1.067.522	2.291.222	-5,8	2,4
Arabica	1.634	6.749	-38,5	-36,2	33.574	132.707	-26,7	-34,7
Cà phê Excelsa	153	493	59,6	110,9	1.570	4.200	32,8	39,4
Cà phê chế biến		82.647		39,1		531.309		24,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

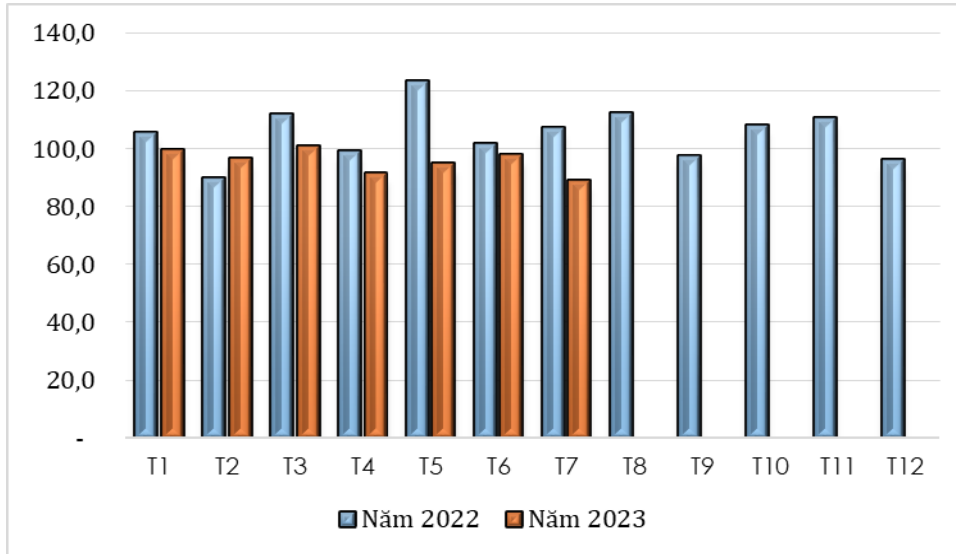
DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ CỦA ĐỨC TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, 7 tháng đầu năm 2023, Đức nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt xấp xỉ 669,4 nghìn tấn, trị giá 2,6 tỷ EUR (tương đương 2,75 tỷ USD), giảm 9,3% về lượng và giảm 16% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng tháng 7/2023, Đức nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt 88,9 nghìn tấn, trị giá 349 triệu EUR (tương đương 368,58 triệu USD), giảm 9,1% về lượng và giảm 11,8% về trị giá so với tháng 6/2023, so với tháng 7/2022 giảm 17% về lượng và giảm 26,3% về trị giá.



Đức nhập khẩu cà phê từ thế giới năm 2022 - 2023

(ĐVT: nghìn tấn)



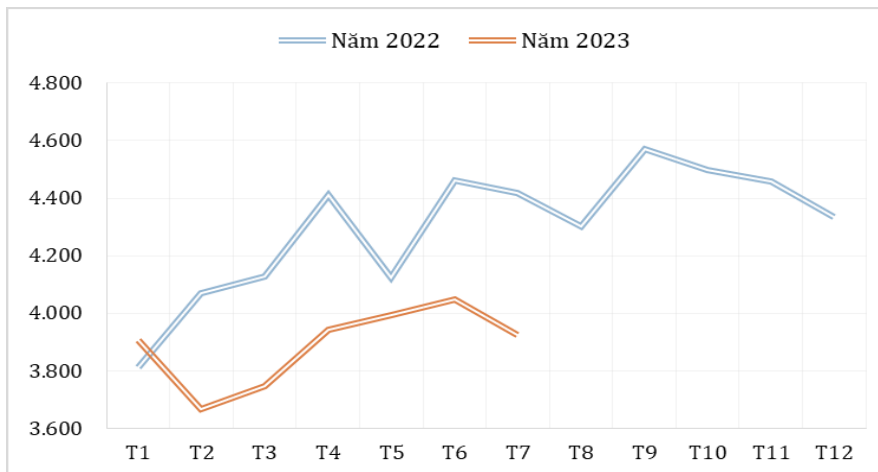
Nguồn: Eurostat

Diễn biến giá NKBQ: Tháng 7/2023, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Đức từ thế giới đạt mức 3.924 EUR/tấn, giảm 3% so với tháng 6/2023 và giảm 11,2% so với tháng 7/2022. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu bình

quân cà phê của Đức từ thế giới đạt mức 3.888 EUR/tấn, giảm 7,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Đức từ hầu hết các thị trường nội khối và ngoại khối giảm, ngoại trừ Ý và Tây Ban Nha.

Diễn biến giá nhập khẩu bình quân cà phê của Đức qua các tháng năm 2022 – 2023

(ĐVT: EUR/tấn)



Nguồn: Eurostat

Cơ cấu nguồn cung

Theo Eurostat, 7 tháng đầu năm 2023, Đức nhập khẩu cà phê từ thị trường nội khối đạt 104,55 nghìn tấn, trị giá 613,2 triệu EUR (tương đương 647,54 triệu USD), tăng 20,5% về lượng và tăng 14,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Đức tăng nhập khẩu cà phê từ nhiều thị trường, ngoại trừ Ý.

Đối với thị trường ngoại khối, 7 tháng đầu năm 2023, Đức nhập khẩu cà phê từ các thị trường ngoại EU đạt 564,84 nghìn tấn, trị giá 1,99 tỷ EUR (tương đương 2,1 tỷ USD), giảm 13,2% về lượng và giảm 22,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Đức giảm nhập khẩu cà phê từ nhiều thị trường ngoại khối, ngoại trừ Việt Nam và Hon-đu-rát...

7 tháng đầu năm 2023, Đức nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 156,3 nghìn tấn, trị giá 332,55 triệu EUR (tương đương 351,18 triệu USD), tăng 10,1% về lượng và tăng 6,4% về trị giá so với cùng

kỳ năm ngoái. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Đức từ thế giới tăng từ 19,24% trong 7 tháng đầu năm 2022 lên 23,35% trong 7 tháng đầu năm 2023.

Một số thị trường cung cấp cà phê cho Đức trong 7 tháng đầu năm 2023

Thị trường	7 tháng năm 2023				So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Triệu EUR)	Trị giá (Triệu USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	669.397	2.602,36	2.748,09	3.888	-9,3	-16,0	-7,5
Ngoại khối	564.844	1.989,16	2.100,55	3.522	-13,2	-22,4	-10,5
Bra-xin	191.128	705,06	744,55	3.689	-21,5	-30,5	-11,5
Việt Nam	156.329	332,55	351,18	2.127	10,1	6,4	-3,3
Hon-đu-rát	58.166	252,51	266,65	4.341	3,9	-9,6	-12,9
U-gan-đa	28.066	80,63	85,15	2.873	-12,7	-13,2	-0,6
Cô-lôm-bi-a	22.538	117,73	124,32	5.224	-25,5	-33,1	-10,1
Nội khối	104.553	613,20	647,54	5.865	20,5	14,1	-5,3
Ý	34.883	210,72	222,52	6.041	-2,4	11,4	14,1
Hà Lan	31.213	135,22	142,79	4.332	78,5	52,2	-14,7
Bỉ	12.828	41,99	44,34	3.273	13,3	0,3	-11,5
Tây Ban Nha	7.355	32,69	34,52	4.445	66,3	80,1	8,3
Pháp	6.178	90,11	95,16	14.587	5,5	-14,3	-18,8

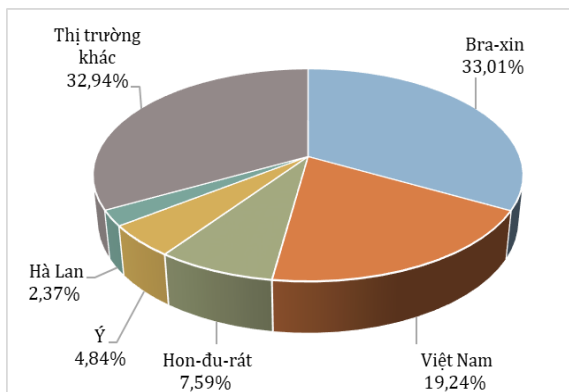
Nguồn: Eurostat.

Tỷ giá 1 EUR = 1,056 USD

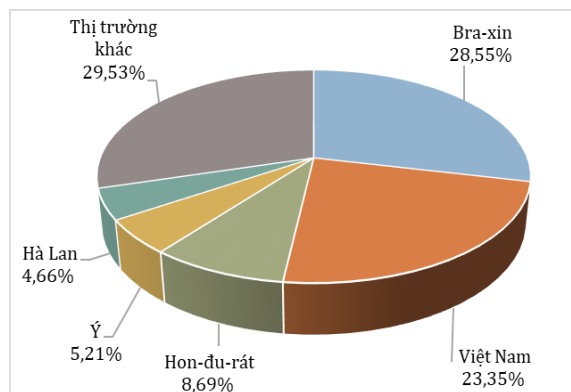
Cơ cấu thị trường cung cấp cà phê cho Đức

(% tính theo lượng)

7 tháng năm 2022



7 tháng năm 2023



Nguồn: Eurostat

(* Ghi chú HS 0901 Cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc chưa tách cafein; vỏ và vỏ cà phê; sản phẩm thay thế

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hạt điều của Đức đạt 15,22 nghìn tấn, trị giá 130,7 triệu USD, tăng 15,1% về lượng và tăng 21,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.
- ▶ 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hạt điều của Bra-xin sang Hoa Kỳ, Ác-hen-ti-na và Ca-na-đa tăng.
- ▶ Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam tháng 9/2023 tăng mạnh so với tháng 9/2022, trong đó xuất khẩu hạt điều W320, W240, W180... tăng mạnh.
- ▶ Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm từ 89,97% trong 7 tháng đầu năm 2022 xuống 87,76% trong 7 tháng đầu năm 2023.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

– Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, Đức xuất khẩu hạt điều trong 7 tháng đầu năm 2023 đạt 15,22 nghìn tấn, trị giá 130,7 triệu USD, tăng 15,1% về lượng và tăng 21,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Đức tăng xuất khẩu hạt điều sang hầu hết các thị trường truyền thống, ngoại trừ Anh. Đáng chú ý, tốc độ xuất khẩu hạt điều của Đức sang

các thị trường Pháp, Ba Lan, Tây Ban Nha tăng trưởng 2 con số.

Giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Đức trong 7 tháng đầu năm 2023 đạt mức 8.586 USD/tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân hạt điều sang các thị trường Anh và Tây Ban Nha đạt mức cao 9.147 USD/tấn và 9.256 USD/tấn.

5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Đức trong 7 tháng đầu năm 2023

Thị trường	7 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	15.221	130.692	8.586	15,1	21,9	5,9
Lúc-xem-bua	1.974	13.553	6.866	0,6	4,8	4,2
Pháp	2.358	21.197	8.989	61,5	63,4	1,2
Ba Lan	1.346	11.685	8.681	37,1	46,1	6,6
Anh	1.144	10.464	9.147	-2,1	5,7	8,1
Tây Ban Nha	1.088	10.070	9.256	29,1	43,8	11,4
Thị trường khác	7.311	63.723	8.716	7,4	13,0	5,2

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)



– Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, 7 tháng đầu năm 2023, Bra-xin xuất khẩu hạt điều ra thị trường thế giới đạt 7,47 nghìn tấn, trị giá 43,32 triệu USD, tăng 14,6% về lượng và tăng 3,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu hạt điều của Bra-xin sang các thị trường Hoa Kỳ, Ác-hen-ti-na, Ca-na-đa tăng cao, nhưng xuất khẩu sang Hà Lan và Pháp giảm.

5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Bra-xin trong 7 tháng đầu năm 2023

Thị trường	7 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	7.475	43.323	5.795	14,6	3,5	-9,7
Hoa Kỳ	2.643	15.562	5.887	43,7	27,7	-11,1
Ác-hen-ti-na	809	4.149	5.128	36,5	24,2	-9,0
Hà Lan	765	4.458	5.826	-2,5	-17,7	-15,6
Ca-na-đa	702	4.040	5.757	72,0	38,3	-19,6
Pháp	207	1.056	5.110	-27,8	-27,8	-0,1
Thị trường khác	2.349	14.058	5.984	-10,0	-15,0	-5,5

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

(* Ghi chú HS 080131 Hạt điều tươi hoặc khô, chưa tách vỏ; HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ

THÁNG 9/2023, XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU TĂNG MẠNH SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2023

Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong tháng 9/2023 ước đạt 60 nghìn tấn, trị giá 328 triệu USD, giảm 1,0% về lượng và giảm 1,6% về trị giá so với tháng 8/2023, nhưng so với tháng 9/2022 tăng 56% về lượng và tăng 39,6% về trị giá. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hạt điều của nước ta ước đạt 456 nghìn tấn, trị giá 2,6 tỷ USD, tăng 19,6% về lượng và tăng 14,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Về giá: Ước tính, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam trong tháng 9/2023 đạt mức 5.474 USD/tấn, giảm 0,7% so với tháng 8/2023 và giảm 10,5% so với tháng 9/2022. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam đạt mức 5.722 USD/tấn, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

9 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hạt điều ghi nhận mức tăng trưởng 2 con số so với cùng kỳ năm ngoái. Theo yếu tố chu kỳ, hoạt động xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sẽ diễn ra sôi động trong các tháng cuối năm. Nhu cầu tiêu thụ hạt điều phục vụ cho các dịp lễ, tết sẽ tăng mạnh. Ngay từ tháng 8/2023, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã tăng mạnh trở lại. Ngành điều Việt Nam đặt kỳ vọng lớn sau chuyến thăm của Tổng thống Mỹ Joe Biden đến Việt Nam trong 2 ngày 10 – 11/9. Bên cạnh đó, xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc

ghi nhận mức tăng trưởng cao sẽ đóng góp vào tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chung.

Về cơ cấu chủng loại

8 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu chủ yếu chủng loại hạt điều W320, W240, W180, tỷ trọng chiếm 63,55% tổng lượng và 70,0% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Do đó, tăng trưởng xuất khẩu các chủng loại hạt điều trên đã tác động tích cực lên toàn ngành.

- Hạt điều W320: Tháng 8/2023, xuất khẩu hạt điều W320 của nước ta đạt 27,15 nghìn tấn, trị giá 162,51 triệu USD, cùng tăng 9,6% về lượng và trị giá so với tháng 7/2023, so với tháng 8/2022 tăng 35,1% về lượng và tăng 27,2% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hạt điều W320 đạt 167,65 nghìn tấn, trị giá 1,03 tỷ USD, tăng 18,6% về lượng và tăng 10,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

- Hạt điều W240: Tháng 8/2023, xuất khẩu hạt điều W240 tăng 7,2% về lượng và tăng 5,5% về trị giá so với tháng 7/2023, đạt 8,48 nghìn tấn, trị giá 51,57 triệu USD, so với tháng 8/2022 tăng 54,1% về lượng và tăng 34,8% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hạt điều W240 đạt 58,35 nghìn tấn, trị giá 380,28 triệu USD, tăng 21,5% về lượng và tăng 14,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Chủng loại hạt điều xuất khẩu trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Chủng loại	Tháng 8/2023		So với tháng 8/2022 (%)		8 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm ngoái (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
W320	27.151	162.515	35,1	27,2	167.656	1.030.448	18,6	10,7
W240	8.484	51.574	54,1	34,8	58.351	380.286	21,5	14,2
W180	3.365	23.443	4,8	29,6	25.414	184.417	39,2	43,0
WS/WB	3.012	12.665	15,3	-10,1	21.242	101.046	2,0	-7,8
LP	2.405	9.063	16,1	4,6	16.458	67.897	15,3	1,7
W450	1.580	8.605	16,5	-2,5	9.101	53.895	18,4	2,5
SP	695	1.763	34,7	-11,2	5.169	13.912	23,9	-11,8
DW	323	1.496	-34,1	-39,1	2.451	12.008	-39,3	-50,0
W210	259	1.810	-15,3	-22,8	2.416	17.432	-9,3	-18,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA HOA KỲ TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

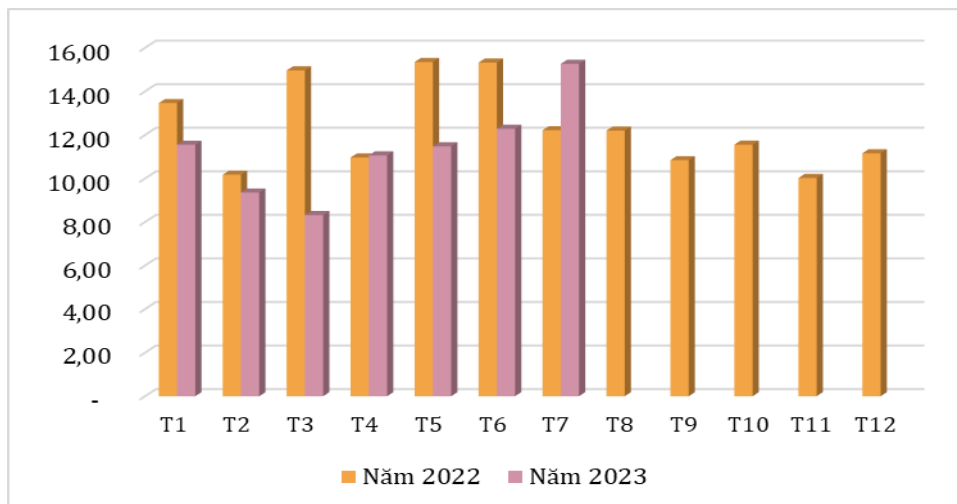
Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 7 tháng đầu năm 2023 thị trường này nhập khẩu hạt điều đạt 79,31 nghìn tấn, trị giá gần 457,1 triệu USD, giảm 14,2% về lượng và giảm 23,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng tháng 7/2023, Hoa Kỳ nhập khẩu hạt điều đạt 15,27 nghìn tấn, trị giá 89,47 triệu USD,

tăng 24,3% về lượng và tăng 26% về trị giá so với tháng 6/2023, so với tháng 7/2022 tăng 24,9% về lượng và tăng 21,8% về trị giá.

Như vậy có thể thấy, thị trường hạt điều Hoa Kỳ đã xuất hiện tín hiệu tích cực, nhu cầu tiêu thụ có xu hướng tăng trở lại.

Hoa Kỳ nhập khẩu hạt điều qua các tháng năm 2022 – 2023

(ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

Diễn biến giá

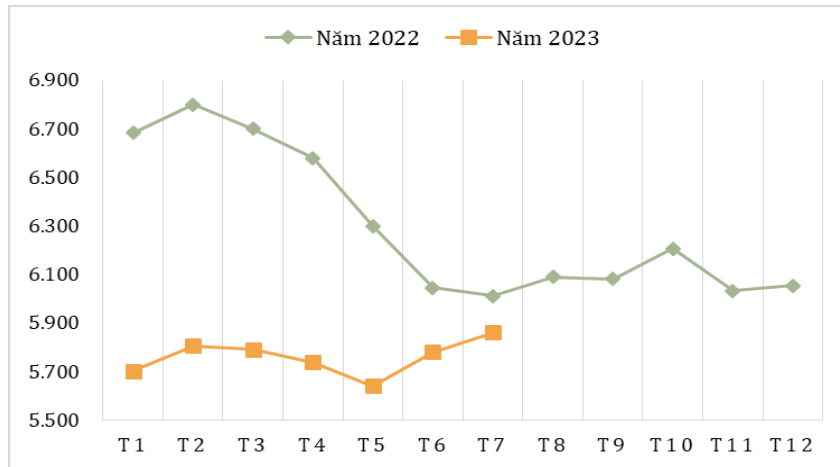
Tháng 7/2023, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ đạt mức 5.861 USD/tấn, tăng 1,4% so với tháng 6/2023, nhưng giảm 2,5% so

với tháng 7/2022. Tính chung 7 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ đạt mức 5.763 USD/tấn, giảm 10,3% so với

cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ từ Việt Nam giảm 10,5%, xuống mức 5.723 USD/tấn; từ Bồ Biển

Ngà giảm 7,3%, xuống mức 5.471 USD/tấn; từ Ấn Độ giảm 7,1%, xuống 7.507 USD/tấn.

Diễn biến giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ qua các tháng năm 2022 – 2023 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ tháng đầu năm 2023.

Cơ cấu nguồn cung

7 tháng đầu năm 2023, cơ cấu nguồn cung hạt điều cho Hoa Kỳ tập trung chủ yếu từ các thị trường Việt Nam, Bồ Biển Ngà, Bra-xin, Ni-giê-ri-a, Ấn Độ. Trong đó:

Hoa Kỳ nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2023 đạt 69,61 nghìn tấn, trị giá 398,36 triệu USD, giảm 16,3% về lượng và giảm 25,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm từ 89,97% trong 7 tháng đầu năm 2022 xuống mức 87,76% trong 7

Ngược lại, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt điều từ Bồ Biển Ngà trong 7 tháng đầu năm 2023, tăng 19,6% về lượng và tăng 10,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 4,1 nghìn tấn, trị giá 22,54 triệu USD. Thị phần hạt điều của Bồ Biển Ngà trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 3,73% trong 7 tháng đầu năm 2022 lên 5,2% trong 7 tháng đầu năm 2023.

7 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ giảm mạnh nhập khẩu hạt điều từ các thị trường Ni-giê-ri-a và Ấn Độ, nhưng tăng mạnh từ Bra-xin.

5 thị trường cung cấp hạt điều cho Hoa Kỳ trong 7 tháng đầu năm 2023

Thị trường	7 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	79.314	457.097	5.763	-14,2	-23,1	-10,3
Việt Nam	69.610	398.362	5.723	-16,3	-25,1	-10,5
Bồ Biển Ngà	4.121	22.543	5.471	19,6	10,8	-7,3
Bra-xin	2.542	14.874	5.852	31,3	17,4	-10,6
Ni-giê-ri-a	797	4.617	5.795	-43,9	-50,3	-11,5
Ấn Độ	587	4.407	7.507	-34,2	-38,8	-7,1
Thị trường khác	1.658	12.294	7.415	4,9	-6,9	-11,2

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

(*) Ghi chú: HS 080131 Hạt điều tươi hoặc khô, chưa tách vỏ; HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ.

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ Cơ quan Hải quan Trung Quốc đã cấp phép nhập khẩu dứa tươi từ Căm-pu-chia và bơ tươi từ Vê-nê-xuê-la.
- ▶ Ai Cập tạm thời cấm xuất khẩu hành tây.
- ▶ Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam tháng 9/2023 ước tính đạt 4,2 tỷ USD, tăng 71,8% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Thị phần quả mã HS 080450 và HS 089010 của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Úc tăng.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc: Theo nguồn producereport.com, Cơ quan Hải quan Trung Quốc (GACC) thông báo đã cấp phép nhập khẩu dứa tươi từ Căm-pu-chia và bơ tươi từ Vê-nê-xuê-la.

Đối với dứa từ Căm-pu-chia: Nghị định thư về các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với dứa Căm-pu-chia đã được ký giữa Bộ Nông lâm ngư nghiệp Căm-pu-chia (MAFF) và GACC vào ngày 15/9/2023.

Theo MAFF, chủ các đồn điền dứa, nhà máy chế biến và nhà đóng gói có ý định xuất khẩu sang Trung Quốc hiện đang được yêu cầu đăng ký vườn cây và cơ sở của họ. Theo đó, Bộ sẽ cung cấp cho nông dân những hướng dẫn cần thiết để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu vệ sinh và kiểm dịch do chính quyền Trung Quốc quy định.

Căm-pu-chia có 17.000 ha dứa, trong đó 14.000 ha đã sẵn sàng cho thu hoạch. Khu vực sản xuất chính trải dài khắp các tỉnh ven biển phía nam Preah Sihanouk, Kampong Speu và Kampot. Năm 2022, sản lượng dứa của Căm-pu-chia đạt 248.000 tấn.

Đối với bơ từ Vê-nê-xuê-la: Với sản lượng hàng năm khoảng 130.000 tấn, Vê-nê-xuê-la là nước sản xuất bơ lớn thứ 15 thế giới. Bơ Vê-nê-xuê-la để xuất khẩu phải trải qua quy trình sàng lọc nghiêm ngặt vì chỉ những quả nặng ít nhất 450 grams và không có dấu vết trên quả mới đủ điều kiện để xuất khẩu. Mùa bơ ở Vê-nê-xuê-la bắt đầu vào đầu tháng 4 và kéo dài đến đầu tháng 1 năm sau.

Ai Cập: Theo nguồn egyptianstreets.com, để ngăn chặn tình trạng giá hành tây tăng vọt tại thị trường nội địa, chính phủ Ai Cập đã quyết định tạm thời cấm xuất khẩu hành tây. Lệnh cấm tạm thời xuất khẩu hành tây trong 3 tháng kể từ ngày 1/10/2023.

Tại Ai Cập, giá hành tây đã tăng mạnh trong tháng 9/2023, đạt 35 EGP (1,13 USD)/kg, tăng 29,6% so với tháng 8/2023 và tăng 191,7% so với tháng 9/2022.

Tổng sản lượng hành tây của Ai Cập đạt 3 triệu tấn mỗi năm, phần lớn được xuất khẩu.



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Trị giá xuất khẩu hàng rau hoa quả trong tháng 9/2023 ước tính đạt 650 triệu USD, tăng 39,9% so với tháng trước và tăng 160% so với tháng 9/2022. Tháng 9/2023 hoạt động xuất khẩu hàng rau quả diễn ra sôi động, ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao, góp phần thúc đẩy trị giá xuất khẩu hàng rau hoa quả trong 9 tháng đầu năm 2023 tăng mạnh, ước đạt 4,2 tỷ USD, tăng 71,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong 8 tháng đầu năm 2023, chủng loại quả là chủng loại xuất khẩu chính trong cơ cấu mặt hàng rau quả và ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao. Trong cơ cấu chủng loại quả xuất khẩu, có trái thanh long và trái chuối giảm, trong khi chủng loại quả khác lại có xu hướng tăng mạnh. Đáng chú ý, trị giá xuất khẩu trái sầu riêng tăng mạnh và liên tục ghi nhận ở mức cao đã tác động tích

cực lên toàn ngành rau quả. Trị giá xuất khẩu trái sầu riêng trong 8 tháng đầu năm 2023 đạt 1,28 tỷ USD, tăng 708,4% so với cùng kỳ năm 2022.

Hàng rau quả của Việt Nam có rất nhiều tiềm năng xuất khẩu, tuy nhiên, hiện nay sản phẩm chủ yếu xuất khẩu thô, ở dạng quả tươi. Trong khi đó, sản phẩm rau quả chế biến đang được người tiêu dùng trên thị trường thế giới tăng tiêu thụ. Đây cũng là chủng loại xuất khẩu lớn thứ 2 trong cơ cấu hàng rau quả của Việt Nam, tuy nhiên trị giá xuất khẩu chủng loại hàng rau quả chế biến vẫn còn ở mức thấp. Vì vậy, còn nhiều tiềm năng để đẩy mạnh xuất khẩu chủng loại này. Các doanh nghiệp cần đẩy mạnh áp dụng khoa học - công nghệ, gia tăng chế biến hàng rau quả để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với chủng loại hàng rau quả chế biến.

Chủng loại hàng rau quả xuất khẩu trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Chủng loại	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Quả	318.352	114,8	2.567.005	89,3	100,0	100,0
Sầu riêng	211.388	406,7	1.280.528	708,4	49,9	11,7
Thanh long	40.661	-20,5	442.290	-4,4	17,2	34,1
Chuối	14.835	47,3	214.307	-9,0	8,3	17,4
Mít	5.218	-1,2	143.204	37,5	5,6	7,7
Xoài	6.133	-0,4	138.466	43,4	5,4	7,1
Loại khác	40.116	18,5	348.210	16,6	13,6	22,0
Sản phẩm chế biến	116.819	16,7	794.020	19,9	100,0	100,0
Chanh leo	18.138	28,3	136.934	71,6	17,2	12,0
Dừa	12.363	-0,1	95.180	-6,8	12,0	15,4
Trái cây	11.228	-12,4	69.623	16,0	8,8	9,1
Hạt dẻ cười	10.787	10,4	59.590	67,1	7,5	5,4
Xoài	7.570	88,8	49.299	47,7	6,2	5,0
Loại khác	56.733	20,8	383.395	9,1	48,3	53,1
Rau củ	27.488	23,6	185.423	3,6	100,0	100,0
Ớt	4.245	38,3	54.153	36,2	29,2	22,2
Khoai lang	2.753	-3,4	18.432	-10,8	9,9	11,5
Súp lơ	3.891	31,7	13.729	21,8	7,4	6,3
Ngô	1.965	8,5	13.046	-0,2	7,0	7,3
Cà rốt	25	-78,0	9.553	14,6	5,2	4,7
Loại khác	14.609	27,8	76.510	-11,0	41,3	48,0

Chủng loại	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Hoa	7.084	6,1	46.914	5,0	100,0	100,0
Hoa cúc	5.723	1,2	38.925	5,4	83,0	82,7
Hoa lan hồ điệp	515	7,5	3.623	3,6	7,7	7,8
Hoa cát tường	168	-30,8	1.195	-22,4	2,5	3,4
Hoa cẩm chướng	144	0,4	1.046	-4,7	2,2	2,5
Hoa hồng	52	-19,8	590	12,2	1,3	1,2
Loại khác	482	426,8	1.535	42,8	3,3	2,4
Lá	764	-32,4	4.561	-26,2	100,0	100,0
Lá nguyệt quế	51	1483,1	903	2090,7	19,8	0,7
Lá tre	213	-53,0	869	-20,3	19,1	17,7
Lá sắn	102	-64,8	637	-60,3	14,0	26,0
Lá chuối	75	9,1	502	-40,1	11,0	13,5
Lá khoai lang	88	-5,3	300	-41,8	6,6	8,3
Loại khác	234	5,7	1.350	-35,4	29,6	33,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

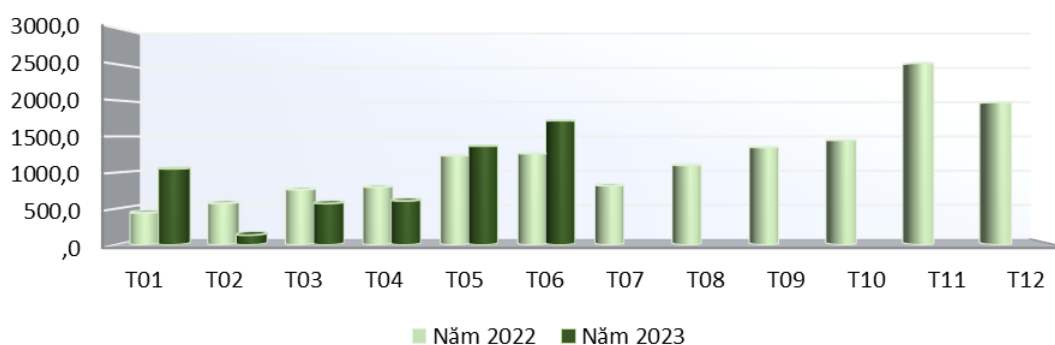


DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU QUẢ MÃ HS 080450 VÀ 089010 CỦA ÚC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu quả mã HS 080450 (có quả xoài) và HS 089010 (có quả nhãn, vải, thanh long) của Úc trong tháng 6/2023 đạt 1,7

triệu USD, tăng 36% so với tháng 6/2022. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu chủng loại quả này của Úc đạt 5,5 triệu USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu quả mã HS 080450 và 089010 của Úc qua các tháng năm 2022 – 2023 (ĐVT: nghìn USD)



Nguồn: ITC

Việt Nam là thị trường cung cấp chính quả mã HS 080450 (có quả xoài) và mã HS 089010 (có quả nhãn, vải, thanh long) cho Úc trong 6 tháng đầu năm 2023, đạt 2,7 triệu USD, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 48,6% tổng trị giá nhập khẩu. Ngoài Việt Nam, Úc còn nhập khẩu chủng loại quả này từ các thị trường Trung Quốc, Chi-lê, Ấn Độ... Trong đó, trị giá nhập khẩu từ Chi-lê, Goa-tê-ma-la, Pa-ki-xtan có tốc độ tăng trưởng rất cao.

Xoài, nhãn, vải thiều, thanh long là những chủng loại quả của Việt Nam được phép nhập khẩu vào thị trường Úc. Tuy nhiên, để mở rộng thị phần cho các sản phẩm nông nghiệp này là không dễ bởi Úc là thị trường có những yêu cầu khắt khe về nhãn mác, an toàn thực phẩm, thậm chí một số tiêu chuẩn còn cao hơn cả Hoa Kỳ

và EU. Do đó, đối với một thị trường tiềm năng nhưng có nhiều yêu cầu khắt khe như Úc, các doanh nghiệp cần tăng cường kiểm soát chất lượng vùng trồng, hoàn thiện hệ thống đăng ký, đánh giá cấp mã vùng trồng, cơ sở đóng gói, sơ chế, chế biến. Cơ quan chức năng cũng cần xây dựng các chương trình hỗ trợ phát triển thương hiệu và đăng ký bảo hộ thương hiệu nông sản xuất khẩu sang Úc; Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại kết nối giao thương cho doanh nghiệp hai nước; Thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất, thương mại nông sản. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần chú trọng hơn nữa về bao bì sản phẩm, đảm bảo chất lượng hàng hóa, nhất là các quy định về hóa chất, quan tâm chú ý về các thủ tục hải quan, đóng gói để đảm bảo tốt nhất thời gian vận chuyển giúp hàng hóa tươi ngon.

Thị trường cung cấp quả mã HS 080450 và mã HS 089010 cho Úc 6 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 6/2023 (nghìn USD)	So với tháng 6/2022 (%)	6 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
Tổng	1.719	36,0	5.465	7,4	100,0	100,0
Việt Nam	704	197,0	2.658	36,4	48,6	38,3
Trung Quốc	316	-3,4	479	15,4	8,8	8,2
Chi - lê	-		311	871,9	5,7	0,6
Ấn Độ	90	80,0	306	3,4	5,6	5,8
Goa-tê-ma-la	13		262	279,7	4,8	1,4
Mê-hi-cô	141	110,4	254	16,5	4,6	4,3
Pê-ru	127	5,0	248	-32,6	4,5	7,2
Thái Lan	75	-71,2	233	-75,7	4,3	18,8
Pa-ki-xtan	158	113,5	194	162,2	3,5	1,5
Ga-na	-		140		2,6	0,0
Thị trường khác	95	-25,8	380	-46,5	7,0	14,0

Nguồn: ITC

THỊ TRƯỜNG THỊT

- ▶ Tháng 9/2023, giá lợn hơi tại Hoa Kỳ có xu hướng giảm, trong khi giá tại Trung Quốc tăng.
- ▶ Giá lợn hơi trong nước giảm do dịch tả lợn châu Phi xuất hiện ở một số vùng khiến người dân bán lượng lợn lớn ra thị trường.
- ▶ Tháng 8/2023, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam tiếp tục tăng; nhập khẩu tăng nhẹ về lượng nhưng giảm về trị giá.

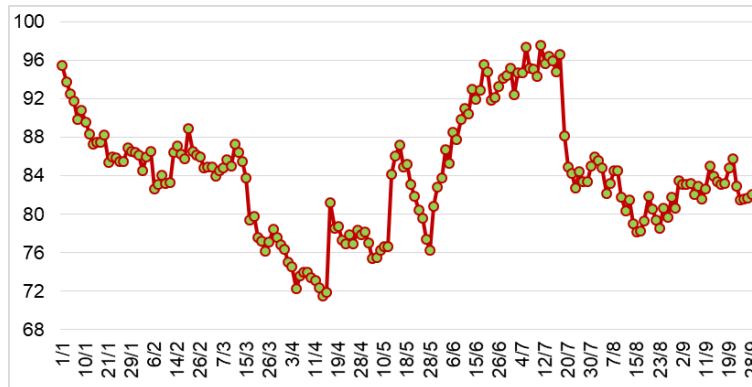
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong tháng 9/2023, giá thịt lợn trên thị trường quốc tế biến động mạnh, giá lợn hơi tại Hoa Kỳ có xu hướng giảm, trong khi tại Trung Quốc có xu hướng tăng.

Tại Chicago, Hoa Kỳ giá lợn nạc giảm nhẹ so với cuối tháng trước. Sau khi tăng lên mức cao nhất tháng vào ngày 19/9/2023 (lên 84,82 UScent/lb), giá quay đầu giảm trở lại. Ngày

28/9/2023, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao kỳ hạn gần dao động ở mức 82,07 UScent/lb, giảm 1,6% so với cuối tháng 8/2023 và giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2022. Giá thịt lợn giảm, chủ yếu do nhu cầu nhập khẩu giảm từ các nhà nhập khẩu hàng đầu, cùng với nguồn cung xuất khẩu dồi dào ở châu Âu trong bối cảnh doanh thu nội địa hạn chế.

Diễn biến giá lợn nạc giao tại Chicago, Hoa Kỳ từ đầu năm 2023 đến nay
(ĐVT: UScent/lb)



Nguồn: cmegroup.com



Tại Trung Quốc, giá lợn hơi đã tăng mạnh kể từ khi Chính phủ nước này can thiệp vào thị trường thông qua thu mua số lượng lớn thịt để dự trữ. Dữ liệu trên Sàn giao dịch hợp đồng hàng hóa tương lai Đại Liên cho thấy, hiện giá thịt lợn duy trì ở mức 16,5 NDT/kg (tương đương 2,26 USD/kg), tăng so với mức dưới 13 NDT/kg vào giữa tháng 7/2023.

Thịt lợn là mặt hàng quan trọng ở Trung Quốc, chiếm khoảng 60% tổng lượng thịt được tiêu thụ

tại quốc gia này. Tuy nhiên, mức tiêu thụ thiết bị và các hàng hóa lâu bền khác đang yếu đi trong bối cảnh nền kinh tế trì trệ và thị trường việc làm không ổn định. Nếu mặt hàng chủ lực như thịt lợn trở nên đắt đỏ hơn, có thể tác động làm hạn chế chi tiêu cho hàng hóa lâu bền và giải trí, làm tăng thêm áp lực giảm phát.

Lượng thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc vẫn có xu hướng tăng trong 8 tháng đầu năm 2023. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, 8 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu 4,98 triệu tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, trị giá 18,8 tỷ USD, tăng 7,7% về lượng, nhưng giảm 4% về trị giá so cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Ác-hen-ti-na, Niu Di-Lân, Úc... Trừ Hoa Kỳ và Tây Ban Nha, lượng thịt nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Trong 8 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu 1,79 triệu tấn thịt trâu, bò (HS 0201; 0202), trị giá 9,6 tỷ USD, tăng 5,6% về lượng, nhưng giảm 15,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Ác-hen-ti-na, U-ru-goay, Niu Di-Lân, Úc... Trừ U-ru-goay, lượng thịt trâu, bò nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng khá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Bra-xin vẫn là thị trường lớn nhất cung cấp thịt trâu, bò cho Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2023, chiếm 41,06% trong tổng lượng thịt trâu, bò nhập khẩu của Trung Quốc, với 735,03 nghìn tấn, trị giá 3,86 tỷ USD, tăng 17,8% về lượng, nhưng giảm 12% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Tháng 9/2023, giá lợn hơi trên cả nước giảm do tình hình dịch tả lợn châu Phi xuất hiện ở một số vùng khiến người dân bán lượng lợn lớn ra thị trường, nên giá có sự chênh lệch giữa các vùng. Trong khi đó, sức mua vẫn chưa có nhiều cải thiện do người dân tiết kiệm chi tiêu. Trong tháng, giá lợn hơi tại một số tỉnh, thành phố dao động trong khoảng 53.000-58.000 đồng/kg, giảm từ

Lượng thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc cũng có xu hướng tăng, trong 8 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu 1,16 triệu tấn thịt lợn (HS 0203), với trị giá 2,73 tỷ USD, tăng 10% về lượng và tăng 26,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Các thị trường cung cấp thịt lợn lớn nhất cho Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2023 gồm: Bra-xin, Tây Ban Nha, Ca-na-da, Hoa Kỳ, Đan Mạch, Hà Lan... Trừ Tây Ban Nha và Đan Mạch, lượng thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng khá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Bra-xin là thị trường lớn nhất cung cấp thịt lợn cho Trung Quốc, chiếm 25,16% trong tổng lượng thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2023, với 292,74 nghìn tấn, trị giá 754,75 triệu USD, tăng 21,6% về lượng và tăng 45,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

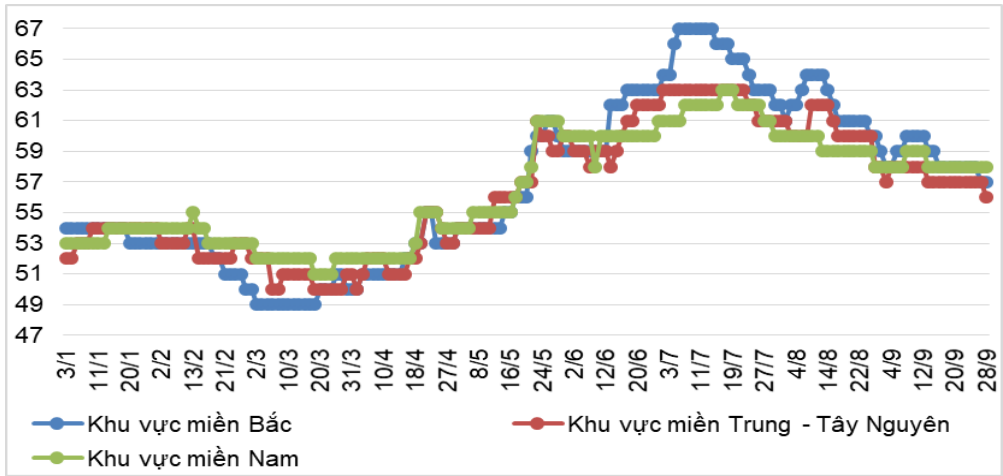
Trong 8 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu 934,12 nghìn tấn thịt và phụ phẩm của gia cầm (HS 0207), trị giá 3,01 tỷ USD, tăng 3% về lượng và tăng 13,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, Nga, Thái Lan, Bê-la-rút, Ác-hen-ti-na... Trừ Hoa Kỳ và Ác-hen-ti-na, lượng thịt và phụ phẩm gia cầm nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Bra-xin là thị trường lớn nhất cung cấp thịt và phụ phẩm của gia cầm tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh cho Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2023, chiếm 51,46% trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc, với 480,7 nghìn tấn, trị giá 1,38 tỷ USD, tăng 22,4% về lượng và tăng 41% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

1.000-3.000 đồng/kg so với cuối tháng trước. Cụ thể, hiện giá lợn hơi tại khu vực miền Bắc dao động trong khoảng 55.000-57.000 đồng/kg, giảm 1.000-2.000 đồng/kg so với cuối tháng trước. Giá lợn hơi miền Trung, Tây Nguyên và khu vực miền Nam dao động trong khoảng 53.000-58.000 đồng/kg, giảm 1.000-3.000 đồng/kg so với cuối tháng trước.

Hiện cung - cầu chăn nuôi trong nước nhìn chung khá cân bằng, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ nội địa. Dự báo từ nay đến cuối năm, giá lợn

sẽ ổn định ở mức hài hòa cho cả người chăn nuôi và người tiêu dùng.

Diễn biến giá lợn hơi trong nước từ đầu năm 2023 đến nay
(ĐVT: nghìn đồng)



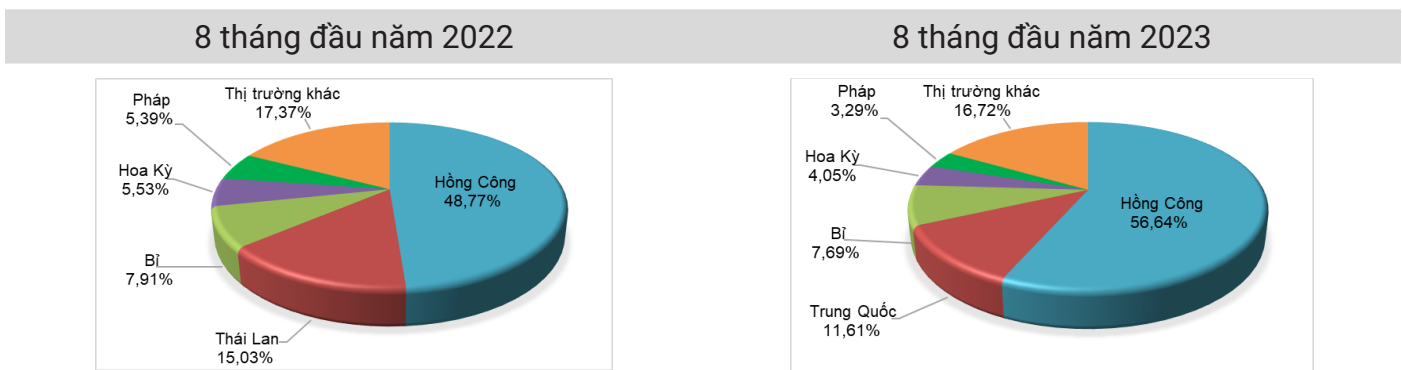
Nguồn: Trung tâm Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

+ Tình hình xuất khẩu: Xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam tiếp tục tăng trong tháng 8/2023. Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 8/2023, xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt đạt 1,92 nghìn tấn, trị giá 10,16 triệu USD, tăng 38,1% về lượng và tăng 22% về trị giá so với tháng 8/2022. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu được 14,17 nghìn tấn thịt và các sản phẩm thịt, trị giá 67,67 triệu USD, tăng 22,8% về lượng và tăng 34,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Tháng 8/2023, thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang 14 thị trường trên thế giới, trong đó chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường: Hồng Kông, Trung Quốc, Bỉ, Căm-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Ca-na-da,

Pháp, Hoa Kỳ...

Trong tháng 8/2023, Hồng Kông là thị trường xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt lớn nhất của Việt Nam, chiếm 38,42% về lượng và 44,44% về trị giá trong tổng xuất khẩu của cả nước, với 740 tấn, trị giá 4,51 triệu USD, tăng 20,9% về lượng và tăng 30% về trị giá so với tháng 8/2022. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông 6,14 nghìn tấn thịt và các sản phẩm thịt, trị giá 38,33 triệu USD, tăng 29,2% về lượng và tăng 56,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông chủ yếu là thịt lợn sữa nguyên con đông lạnh, thịt lợn nguyên con đông lạnh...

Cơ cấu thị trường chính xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam (% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 8 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu chủ yếu: Thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là lợn sữa và thịt lợn nguyên con đông lạnh); Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm; Thịt trâu, bò tươi đông lạnh... Trong đó, thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là lợn sữa và thịt lợn nguyên con đông lạnh) được xuất khẩu nhiều nhất với 6,89 nghìn, trị giá 40,28 triệu USD, giảm 0,7% về lượng, nhưng tăng 30% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Đáng chú ý, trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm tiếp tục tăng mạnh, đạt 3,62 nghìn tấn, trị giá 9,39 triệu USD, tăng 347% về lượng và tăng 414,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022; Được xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường như: Trung Quốc, Pa-pu-a Niu Ghi-nê, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc, Hồng Kông...

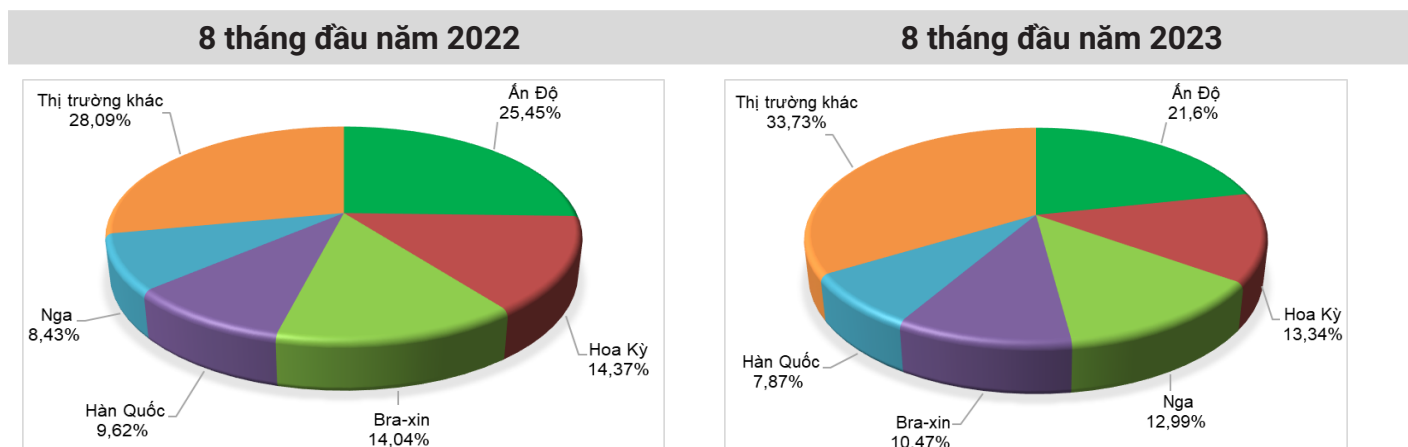
+ Tình hình nhập khẩu: Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 8/2023, Việt Nam nhập khẩu 62,53 nghìn tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, với trị giá 128,72 triệu USD, tăng 3,6% về lượng, nhưng giảm 0,7% về trị giá so với tháng 8/2022. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, Việt Nam nhập khẩu 418,93 nghìn tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, trị giá 851,76 triệu USD, tăng 1,9% về lượng, nhưng giảm 7,3% về trị giá so với cùng kỳ

năm 2022. Nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam tăng nhẹ trở lại trong tháng 8/2023, trong bối cảnh giá lợn hơi giảm và chưa có dấu hiệu hồi phục, thị trường tiêu thụ chậm. Những tháng cuối năm sẽ không thiếu nguồn cung do từ tháng 9 trở đi người dân và doanh nghiệp sẽ đẩy mạnh tái đàn, cùng với đó là nguồn nhập khẩu để các doanh nghiệp đưa vào chế biến.

Trong tháng 8/2023, Việt Nam nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt từ 38 thị trường trên thế giới. Trong đó, Ấn Độ vẫn là thị trường lớn nhất cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt cho Việt Nam trong tháng, đạt 14,02 nghìn tấn, trị giá 41,15 triệu USD, tăng 44,1% về lượng và tăng 22,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 22,43% về lượng và chiếm 31,97% về trị giá trong tổng nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của cả nước. Giá nhập khẩu bình quân thịt và các sản phẩm từ thịt từ Ấn Độ về Việt Nam giảm 14,8% so với cùng kỳ năm 2022, xuống còn 2.934 USD/tấn. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt từ Ấn Độ đạt 90,47 nghìn tấn, trị giá 265,96 triệu USD, giảm 13,6% về lượng và giảm 20,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Trong 8 tháng đầu năm 2023, cơ cấu thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm thịt cho Việt Nam có sự thay đổi khi lượng nhập khẩu từ Ấn Độ, Hoa Kỳ, Bra-xin, Hàn Quốc giảm, trong khi nhập khẩu từ Nga tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt cho Việt Nam
(% tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trong tháng 8/2023, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là các chủng loại thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt trâu tươi đông lạnh; Thịt bò tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh... Trong đó, nhập khẩu thịt gia cầm, thịt bò tiếp tục giảm; Trong khi nhập khẩu thịt lợn, thịt trâu và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm 2022.



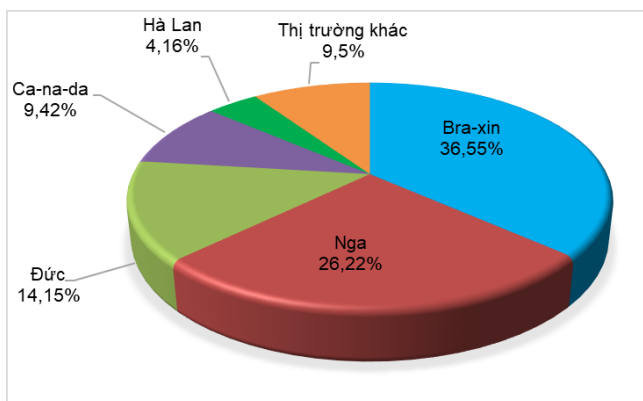
Tháng 8/2023, Việt Nam nhập khẩu 12,19 nghìn tấn thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh, với trị giá 30,49 triệu USD, tăng 29,2% về lượng và tăng 55,6% về trị giá so với tháng 8/2022, đây là tháng thứ 4 liên tiếp kể từ đầu năm 2023 lượng thịt lợn nhập khẩu tăng so với cùng kỳ năm 2022. Giá nhập khẩu thịt lợn trung bình về Việt Nam đạt 2.502 USD/tấn, tăng 20,4% so với tháng 8/2022. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh đạt 66,95 nghìn tấn, trị giá 173,11 triệu USD, tăng 3,2% về lượng và tăng 25,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong tháng 8/2023, thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc

đông lạnh được nhập khẩu từ 19 thị trường, trong đó chủ yếu được nhập khẩu từ Bra-xin chiếm 51,96% trong tổng lượng nhập khẩu thịt lợn của cả nước; tiếp theo là Nga chiếm 23,31%; Hoa Kỳ chiếm 4,61%; Ca-na-da chiếm 4,45%; Đan Mạch chiếm 4,08%... Lượng thịt lợn nhập khẩu từ các thị trường này về Việt Nam trong tháng 8/2023 đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2022.

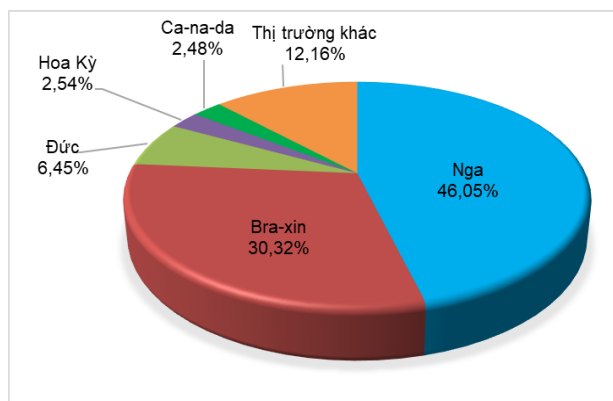
Trong 8 tháng đầu năm 2023, cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn cho Việt Nam có sự thay đổi, khi tỷ trọng nhập khẩu từ Nga, Hoa Kỳ tăng; trong khi tỷ trọng nhập khẩu từ Bra-xin, Đức, Ca-na-da, Hà Lan giảm.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (HS 0203) cho Việt Nam (ĐVT: % tính theo lượng)

8 tháng đầu năm 2022



8 tháng đầu năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ *Ngành nuôi cá rô phi Trung Quốc đang đối mặt với tình trạng thiếu cá và cá giống trầm trọng khiến giá tăng mạnh.*
- ▶ *Người tiêu dùng Trung Quốc cũng đang ngày càng quan tâm đến tính bền vững của thủy sản.*
- ▶ *Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đã đưa ra đề xuất sửa đổi quy định về tiêu chuẩn đối với đặc tính và quy cách đóng gói của cá ngừ đóng hộp.*
- ▶ *Xuất khẩu thủy sản tháng 9/2023 tiếp tục dấu hiệu phục hồi khi mức giảm là thấp nhất kể từ tháng 11/2022 đến nay.*
- ▶ *Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm mạnh xuống còn 4,2% trong 8 tháng đầu năm 2023 từ mức 9,4% trong 8 tháng đầu năm 2022.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc: Ngành nuôi cá rô phi Trung Quốc đang đối mặt với tình trạng thiếu cá và cá giống trầm trọng, khiến giá tăng mạnh. Tháng 9/2023, giá cá rô phi ở nhiều tỉnh của Trung Quốc tăng. Trong đó, giá cá rô phi ở Hải Nam tăng 2 NDT/kg so với tháng 8/2023, giao dịch ở mức 10,2 NDT/kg (tương đương 1,40 USD/kg). Nguồn cung cá rô phi nguyên liệu ở Hải Nam tháng 9/2023 giảm 25% so với cùng kỳ năm 2022 và giảm 40-50% trong nửa đầu năm nay. Nguồn cung cá rô phi giảm do người dân giảm thả nuôi do bị thua lỗ kéo dài, chi phí thức ăn tăng cao và điều kiện thời tiết bất lợi. Dự báo, nguồn cung cá rô phi giống tại Trung Quốc có thể phục hồi chậm sau tháng 10/2023. Xu hướng thiếu nguồn cung có thể kéo dài sang năm 2024.

Liên minh Thủy sản Toàn cầu (GSA) đã thực hiện một cuộc khảo sát với khoảng 3.400 người tiêu dùng ở Trung Quốc để hiểu rõ hơn về quyết định mua hàng của người tiêu dùng, cũng như ảnh hưởng và nhận thức về nhãn Thực hành Nuôi trồng Thủy sản Tốt nhất (BAP). Theo kết quả khảo sát, hầu hết những người được hỏi đều đồng ý rằng thủy sản là lựa chọn lành mạnh hơn các loại protein động vật khác và hơn 1/3 số người được hỏi hiện ăn thủy sản ít nhất hai lần một tuần.



Vấn đề được quan tâm nhất trong quyết định mua hàng của người tham gia khảo sát là an toàn thực phẩm, tiếp theo là tính bền vững. Khi được hỏi liệu họ có sẵn sàng trả nhiều hơn cho thủy sản từ các nhà sản xuất đã được bên thứ ba kiểm tra hay không, khoảng 71% số người được hỏi cho biết họ quan tâm đến việc trả thêm ít nhất 1 NDT để mua một sản phẩm có thêm sự đảm bảo. Điều này chứng minh việc có nhãn BAP trên bao bì thủy sản có thể mang lại lợi thế cho người sản xuất trên thị trường.

Khi được hỏi liệu họ có nhận ra nhãn BAP hay không, khoảng 30% số người được hỏi cho biết họ đã nhìn thấy logo trước đây và hơn một nửa cho biết họ có nhiều khả năng mua thủy sản hơn nếu bao bì có nhãn BAP. Khi được hỏi phần nào của chuỗi sản xuất cần được kiểm soát, khoảng một nửa số người được hỏi trả lời rằng toàn bộ chuỗi sản xuất nuôi trồng thủy sản (nhà máy chế biến, trang trại, trại giống và nhà máy thức ăn chăn nuôi) phải được kiểm soát.

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy người tiêu dùng Trung Quốc đang ngày càng quan tâm đến tính bền vững của thủy sản. Khả năng nhận diện logo BAP ở mức gần 30% cho thấy tầm quan trọng của những vấn đề này đối với người tiêu dùng Trung Quốc.

Hoa Kỳ: Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược

phẩm Hoa Kỳ (FDA) đã đưa ra đề xuất sửa đổi quy định về tiêu chuẩn đối với đặc tính và quy cách đóng gói của cá ngừ đóng hộp. Đề xuất sửa đổi quy định này được đưa ra nhằm phản hồi ý kiến của các công ty Bumble Bee Foods, StarKist Co. và Tri Union Seafoods của Tập đoàn Thai Union. Một số đề xuất được đưa ra như sau:

+ Thay phương pháp cân bánh ép bằng phương pháp cân ráo nước để xác định độ đầy tiêu chuẩn của hộp chứa.

+ Sửa lại phần giới thiệu, từ đó làm rõ rằng việc sử dụng phương tiện đóng gói là tùy chọn.

+ Loại bỏ quy định đối với một số hương liệu và gia vị cụ thể.

+ Điều chỉnh giới hạn trên và giới hạn dưới của chiết xuất thực vật về lượng nước luộc rau được phép sử dụng làm nguyên liệu tùy chọn.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Xuất khẩu thủy sản tháng 9/2023 tiếp tục dấu hiệu phục hồi với trị giá ước đạt 850 triệu USD, giảm 1% so với tháng trước và giảm 0,8% so với tháng 9/2022, mức giảm thấp nhất kể từ tháng 11/2022 đến nay. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 6,64 tỷ USD, giảm 21,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 8/2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đã có tín hiệu khả quan khi tốc độ giảm chậm lại đáng kể so với các tháng trước đó. Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 8/2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 196,07 nghìn tấn, trị giá 858,78 triệu USD, giảm 6% về lượng và giảm 13% về trị giá so với tháng 8/2022. Trong đó, xuất khẩu nhiều mặt hàng thủy sản đã có tín hiệu khả quan khi tốc độ giảm chậm lại như tôm các loại; cá tra, basa; cá ngừ các loại, bạch tuộc các loại... Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 1,335 triệu tấn, trị giá 5,789 tỷ USD, giảm 14,8% về lượng và giảm 24% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 8/2023, xuất khẩu tôm của Việt Nam đạt 37,35 nghìn tấn, trị giá 331,8 triệu USD, với mức giảm chậm lại còn 7,3% về lượng và 15,8% về trị giá. Trong đó xuất khẩu tôm sang 2 thị trường lớn nhất là Hoa Kỳ và Trung Quốc cải thiện. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu tôm của Việt Nam vẫn giảm 20% về lượng và giảm 27,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 246,97 nghìn tấn, trị giá 2,2 tỷ USD.

Xuất khẩu cá tra, basa tháng 8/2023 tăng 8,9% về lượng và chỉ còn giảm 12,9% về trị giá so với tháng 8/2022, đạt 76,36 nghìn tấn, trị giá 169,86 triệu USD. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cá tra, basa đạt 503,9 nghìn tấn, trị giá 1,18 tỷ USD, giảm 19,7% về lượng và giảm 34,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Với mức nền thấp của cùng kỳ năm 2022 và nhu cầu từ các thị trường lớn có dấu hiệu cải thiện, dự báo xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong quý IV/2023 sẽ tiếp tục phục hồi.

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tháng 8 và 8 tháng năm 2023

Mặt hàng	Tháng 8/2023		So với tháng 8/2022 (%)		8 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	196.076	858.783	-6,0	-13,0	1.335.791	5.789.657	-14,8	-24,0
Tôm các loại	37.351	331.837	-7,3	-15,8	246.967	2.177.155	-20,0	-27,8
Cá tra, basa	76.362	169.865	8,9	-12,9	503.936	1.185.030	-19,7	-34,4
Cá đông lạnh	20.559	92.466	-1,3	-5,9	153.739	692.316	0,1	-4,5
Cá ngừ các loại	15.380	87.066	-17,4	-5,0	106.196	545.025	-14,3	-25,3
Mực các loại	5.670	35.327	-18,1	-18,7	39.433	234.224	-16,6	-14,3
Chả cá	12.231	25.631	-40,2	-45,2	91.226	200.701	-24,8	-28,3
Cá khô	8.506	23.872	-42,2	-41,6	60.888	197.452	-2,8	-3,5
Bạch tuộc các loại	4.273	30.929	11,1	2,0	24.659	179.168	-9,4	-14,1
Cua các loại	665	12.458	-28,6	-13,9	3.928	67.427	-37,4	-19,0
Nghêu các loại	4.577	7.599	25,2	-10,9	32.544	54.742	13,6	-20,7
Cá đóng hộp	2.271	7.114	52,8	92,5	17.358	47.499	12,1	4,5
Ghẹ các loại	831	10.681	57,7	61,4	3.639	43.986	-14,1	-18,5
Trứng cá	395	6.849	-5,5	8,7	2.675	43.701	7,7	11,4
Cá sống	2.237	2.662	-3,9	-5,2	16.276	20.224	36,4	10,7
Mắm	1.237	2.886	5,6	44,7	12.252	16.697	49,6	-6,5
Ruốc	1.561	1.748	101,4	36,7	7.810	11.233	30,7	13,4
Ốc các loại	271	1.310	30,7	-3,5	2.334	10.924	39,0	35,9
Sò các loại	88	1.001	-36,3	-33,7	1.006	10.330	-25,6	-22,2
Mặt hàng khác	1.611	7.482	56,0	-51,1	8.925	51.823	-6,5	228,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA TRUNG QUỐC THÁNG 8/2023 VÀ THỊ PHẦN THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 8/2023, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc đạt 1,4 tỷ USD, giảm 21,0% so với cùng kỳ năm 2022, tháng giảm thứ 3 liên tiếp. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc đạt 12,8 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 8/2023, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc từ hầu hết các thị trường cung cấp lớn Ê-cu-a-đo, Nga, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Na Uy... giảm so với cùng kỳ năm 2022, trong khi nhập khẩu từ Pê-ru, Chi-lê, Ác-hen-ti-na tăng.

Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 7 cho Trung Quốc trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023. Tháng 8/2023, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc từ thị trường Việt Nam đạt 69,02 triệu USD, giảm 35,5% so với tháng 8/2022. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc từ Việt Nam đạt 533,2 triệu USD, giảm 51,7% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập

khẩu của Trung Quốc giảm mạnh xuống còn 4,2% trong 8 tháng đầu năm 2023 từ mức 9,4% trong 8 tháng đầu năm 2022.

Đáng chú ý, tháng 8/2023, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc từ thị trường Nhật Bản giảm mạnh sau khi Trung Quốc đưa ra lệnh cấm đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Nhật Bản. Theo đó, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc từ thị trường Nhật Bản trong tháng 8/2023 đạt 29 triệu USD, giảm 63,1% so với tháng 8/2022. Trung Quốc siết chặt kiểm tra chất phóng xạ đối với thủy sản nhập khẩu từ Nhật Bản từ đầu tháng 7/2023, khiến hàng hóa bị giữ lại nhiều tuần tại cửa khẩu nhập khẩu. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Nhật Bản trong năm 2022 với các sản phẩm như sò điệp, cá ngừ, nhím biển (nhum), cá hồng và hải sâm.

Việc Trung Quốc cấm nhập khẩu thủy sản từ Nhật Bản có thể tạo cơ hội cho một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.

Thị trường cung cấp thủy sản cho Trung Quốc tháng 8 và 8 tháng năm 2023

Thị trường	Tháng 8/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng đầu năm 2023 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Tổng	1.443.115	-21,0	12.823.195	9,4	100,0	100,0
Ê-cu-a-đo	281.120	-21,9	2.545.073	17,2	19,9	18,5
Nga	166.811	-30,3	1.873.656	10,3	14,6	14,5
Ca-na-đa	130.777	-9,6	892.046	14,0	7,0	6,7
Ấn Độ	80.988	-54,6	724.873	-3,2	5,7	6,4
Hoa Kỳ	96.608	-16,4	694.414	11,7	5,4	5,3
Na Uy	72.371	-15,3	635.887	11,0	5,0	4,9
Việt Nam	69.022	-35,5	533.156	-51,7	4,2	9,4
In-đô-nê-xi-a	66.103	-14,5	509.797	4,0	4,0	4,2
Pê-ru	30.667	98,1	436.071	161,6	3,4	1,4
Chi-lê	56.808	59,8	349.982	60,7	2,7	1,9
Nhật Bản	29.011	-63,1	349.530	-6,6	2,7	3,2
Thái Lan	33.301	-15,6	319.845	28,4	2,5	2,1
Niu Dilan	29.382	-37,9	289.117	-8,0	2,3	2,7
Ác-hen-ti-na	22.544	30,2	230.882	100,1	1,8	1,0
Ma-lai-xi-a	24.760	-2,4	208.268	18,9	1,6	1,5
Thị trường khác	252.842	-2,7	2.230.598	16,3	17,4	16,4

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 13,7 tỷ USD, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam 9 tháng đầu năm 2023 ước đạt 9,7 tỷ USD, giảm 21,3% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Anh giảm.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Trung Quốc: Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 8/2023, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 1,8 tỷ USD, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 13,7 tỷ USD, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ nhiều nhất tới thị trường Hoa Kỳ trong 8 tháng đầu năm 2023, đạt 4,2 tỷ USD, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 30,8% tổng trị giá xuất khẩu; tiếp theo là thị trường Anh đạt 860,4 triệu USD, tăng 1,7%; Nhật Bản đạt 845,1 triệu USD, giảm 14,8%; Úc đạt 821,1 triệu USD, giảm 19,9%...



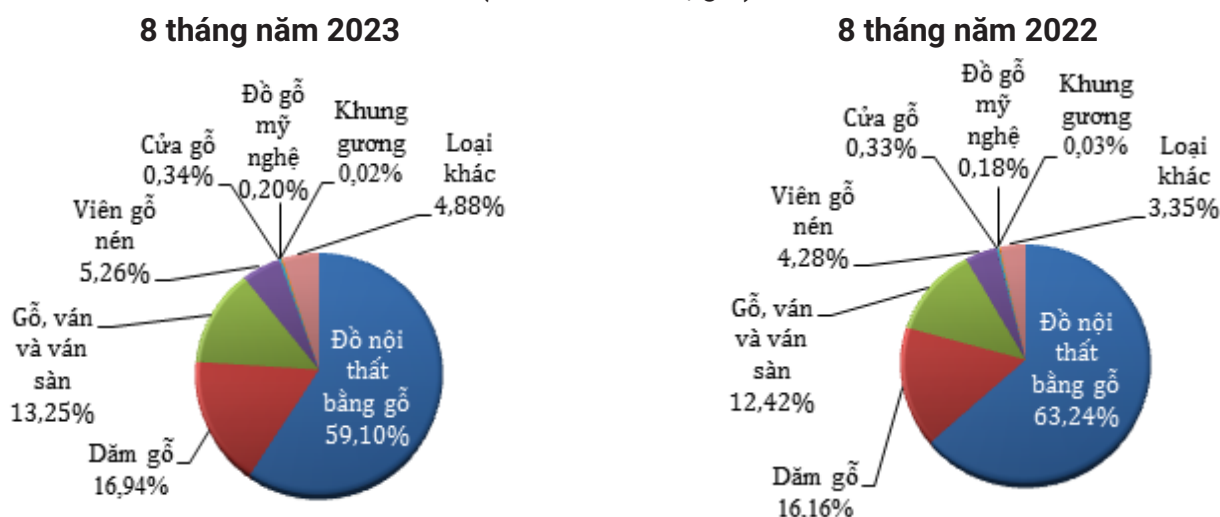
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Ước tính, trong tháng 9/2023, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,2 tỷ USD, giảm 7% so với tháng 8/2023, nhưng tăng 6,7% so với tháng 9/2022. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 785 triệu USD, giảm 6,6% so với tháng 8/2023, nhưng tăng 5,1% so với tháng 9/2022.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam ước đạt 9,7 tỷ USD, giảm 21,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 6,5 tỷ USD, giảm 24,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu

(ĐVT: % theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu, đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng xuất khẩu chính trong 8 tháng đầu năm 2023, đạt 5 tỷ USD, giảm 29,1% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 59,1% tổng trị giá xuất khẩu. Xuất khẩu hầu hết mặt hàng trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ đều có xu hướng giảm mạnh. Triển vọng xuất khẩu những mặt hàng này sẽ tích cực hơn trong những tháng cuối năm, nhờ nhu cầu

thị trường tăng theo thông lệ, khi thị trường nhà ở hoàn thiện và nhu cầu sửa chữa thay thế nội thất gia đình tăng để đón chào năm mới.

Ngoài mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2023, còn một số mặt hàng xuất khẩu khác như dăm gỗ; gỗ, ván và ván sàn; viên gỗ nén, cửa gỗ..., trị giá xuất khẩu những mặt hàng này cũng giảm do nhu cầu toàn cầu yếu.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)
Tổng	1.290.522	-9,4	8.485.245	-24,1
Đồ nội thất bằng gỗ	755.744	-6,7	5.014.898	-29,1
Ghế khung gỗ	248.106	14,3	1.760.322	-15,8
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	211.051	-16,9	1.325.068	-38,3
Đồ nội thất phòng ngủ	160.499	-16,0	1.022.245	-37,4
Đồ nội thất nhà bếp	109.934	-3,8	734.652	-22,2
Đồ nội thất văn phòng	26.154	-22,5	172.611	-32,8

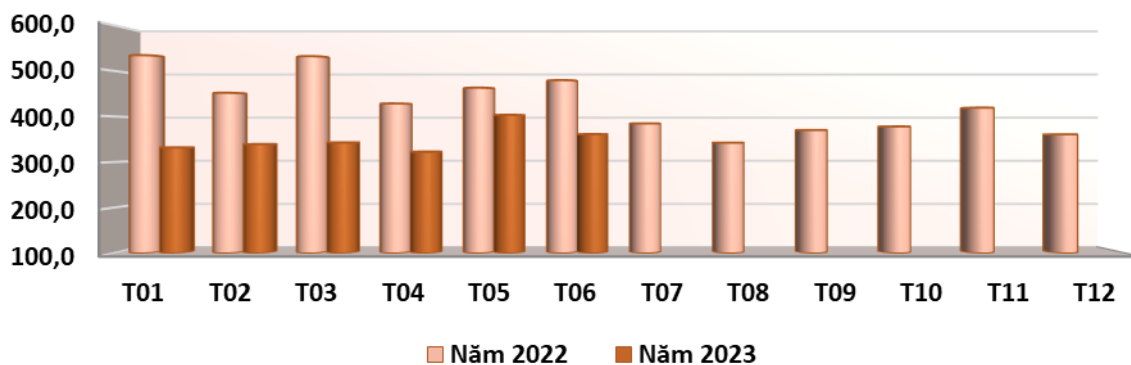
Thị trường	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)
Dăm gỗ	256.222	-28,8	1.437.640	-20,5
Gỗ, ván và ván sàn	168.604	21,9	1.124.268	-19,1
Viên gỗ nén	66.372	-0,1	446.449	-6,8
Cửa gỗ	5.414	12,5	29.262	-21,6
Đồ gỗ mỹ nghệ	3.012	31,2	17.073	-17,3
Khung gương	156	-41,3	1.624	-50,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA ANH VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Trung tâm thương mại Quốc tế (ITC), tháng 6/2023, Anh nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 361,2 triệu USD, giảm 24,6% so với tháng 6/2022. Trong 6 tháng đầu năm 2023, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh đạt 2,1 tỷ USD, giảm 27,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Anh nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường qua các tháng năm 2022 – 2023 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: ITC

Về thị trường:

Trung Quốc là thị trường cung cấp chính mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ cho Anh trong 6 tháng đầu năm 2023, trị giá nhập khẩu từ thị trường này chiếm 32,9% tổng trị giá nhập khẩu, đạt 691,7 triệu USD, giảm 35,2% so với cùng kỳ năm 2022. Tiếp theo là thị trường Ba Lan đạt 306,2 triệu USD, giảm 10,5%; I-ta-li-a đạt 200,5 triệu USD, giảm 4,5%; Đức đạt 156,3 triệu USD, giảm 8,8%...

Nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh từ Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt 119,2 triệu USD, giảm 48,3% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 5,7% tổng trị giá nhập khẩu của Anh.



Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Anh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 6/2023 (nghìn USD)	So với tháng 6/2022 (%)	6 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
Tổng	361.179	-24,6	2.100.596	-27,3	100,0	100,0
Trung Quốc	128.926	-28,0	691.740	-35,2	32,9	37,0
Ba Lan	44.522	-16,7	306.247	-10,5	14,6	11,8
I-ta-li-a	37.797	15,8	200.477	-4,5	9,5	7,3
Đức	24.576	-8,2	156.290	-8,8	7,4	5,9
Việt Nam	16.828	-63,6	119.214	-48,3	5,7	8,0
Lít-va	16.703	-8,3	105.580	-6,5	5,0	3,9
Ma-lai-xi-a	7.581	-46,6	46.564	-43,0	2,2	2,8
Tây Ban Nha	7.972	15,2	45.316	10,7	2,2	1,4
Ru-ma-ni-a	8.128	20,5	43.013	-9,9	2,0	1,7
Thổ Nhĩ Kỳ	6.626	16,8	38.155	2,3	1,8	1,3
Thị trường khác	61.520	-31,2	348.000	-36,2	16,6	18,9

Nguồn: ITC

Về mặt hàng:

Do chịu tác động bởi lạm phát cao và người tiêu dùng Anh thắt chặt chi tiêu, vì vậy nhu cầu nhập khẩu hầu hết các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ đều giảm mạnh trong nửa đầu năm 2023. Dẫn đầu về trị giá nhập khẩu là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 815,3 triệu USD, giảm 30,8% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là mặt hàng ghế khung gỗ đạt 693,6 triệu USD, giảm 28,6%; đồ nội thất phòng ngủ đạt 340,8 triệu USD, giảm 27,3%...

Anh nhập khẩu các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ từ Việt Nam với trị giá chỉ chiếm tỷ trọng thấp, như vậy vẫn còn dư địa để các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị phần tại thị trường Anh trong

thời gian tới. Đáng chú ý, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có thêm thành viên mới là Anh, sẽ mở ra nhiều cơ hội hợp tác hơn giữa Anh với Việt Nam. Thực tế, các doanh nghiệp Việt Nam đang tiếp cận thị trường Anh rất tốt thông qua UKVFTA, với những cam kết giảm thuế của Anh trong khung khổ CPTPP, doanh nghiệp Việt Nam sẽ còn thuận lợi hơn nữa. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang Anh phải chú trọng đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường, bởi Anh là thị trường có tiêu chuẩn cao và quan tâm đến các yếu tố không chỉ về giá, mà còn về Tiêu chuẩn ESG (môi trường, xã hội và quản trị).

Anh nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ 6 tháng đầu năm 2023

Mã HS	Tên hàng	6 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
				6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
Tổng		2.100.596	-27,3	5,7	8,0
940360	Đồ nội thất phòng khách, phòng ăn	815.253	-30,8	10,1	13,2
940169 + 940161	Ghế khung gỗ	693.590	-28,6	3,0	4,2
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	340.820	-27,3	4,5	6,9
940340	Đồ nội thất nhà bếp	182.166	-3,5	0,1	0,2
940330	Đồ nội thất văn phòng	68.767	-15,8	0,7	2,7

Nguồn: ITC

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH KIỂM SOÁT AN TOÀN THỰC PHẨM CHUỖI THỦY SẢN XUẤT KHẨU VÀO EU

Ngày 13/9/2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Chỉ thị 6433/CT-BNN-CCPT về việc tăng cường quản lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thủy sản phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Trong tháng 06/2023, Ủy ban Châu Âu đã cử đoàn thanh tra điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm chuỗi sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thủy sản xuất khẩu của Việt Nam và đã phát hiện một số tồn tại, hạn chế về điều kiện vệ sinh của các cơ sở trong chuỗi sản xuất, chế biến, đặc biệt tại các cơ sở trong khâu sản xuất ban đầu (khai thác, nuôi trồng thủy sản); hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật trong quản lý nhà nước chưa cao. Nhằm khẩn trương khắc phục các sai lỗi về hệ thống kiểm soát, tiếp tục duy trì uy tín chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản của Việt Nam, Bộ trưởng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường:

- Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ làm công tác quản lý an toàn thực phẩm của cơ quan địa phương thực hiện thẩm định, kiểm tra, giám sát điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm các cơ sở trước chế biến (cơ sở thu

mua, sơ chế, cơ sở sản xuất nước đá) đáp ứng quy định hiện hành. Trước mắt triển khai cho các cơ sở trong chuỗi sản xuất, xuất khẩu thủy sản vào thị trường Châu Âu (EU).

- Xây dựng trình Bộ ban hành Chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm chuỗi thủy sản xuất khẩu vào EU đảm bảo các cơ sở tham gia chuỗi phải đáp ứng đầy đủ quy định của EU, quy định của Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền Việt Nam kiểm soát đảm bảo an toàn thực phẩm, cơ quan thẩm quyền EU công nhận vào Danh sách được phép xuất khẩu sang EU.

- Thực hiện thẩm định, đánh giá sự tuân thủ quy định, quy chuẩn của Việt Nam và EU về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sơ chế cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm cho cơ sở chế biến xuất khẩu, kho độc lập bảo quản thành phẩm thủy sản xuất khẩu đi thị trường EU; đăng ký đề nghị EU đưa tên các cơ sở sơ chế, kho độc lập bảo quản thành phẩm thủy sản vào Danh sách cơ sở được phép xuất khẩu vào EU trong trường hợp kết quả thẩm định, đánh giá đạt yêu cầu;

- Tham mưu trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khung cơ sở dữ liệu toàn quốc về quản lý an toàn thực phẩm cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản và truy xuất nguồn gốc.

THÔNG BÁO MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT MỚI CỦA GUYANA

Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành công văn số 2455/BVTV-KD ngày 26/09/2023 thông báo về mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật mới của Guyana.

Theo đó, Cục Bảo vệ thực vật nhận được

thông báo từ Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia Guyana về việc thay đổi Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật (KDTV), thông tin cụ thể như sau:

Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia Guyana sẽ cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử (ePhyto) qua hệ thống quốc gia ePhyto (GeNs).

Giấy chứng nhận KDTV cấp qua GeNs sẽ được in trên giấy thường (plain white paper), đóng dấu và có chữ ký của người có thẩm quyền

của Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia Guyana. Góc trái, trên cùng có mã QR cho phép kiểm tra thông tin của Giấy chứng nhận.



Cooperative Republic of Guyana

National Agricultural Research and Extension Institute
National Plant Protection Organisation

PHYTOSANITARY CERTIFICATE		No.
FROM: Plant Protection Organization of Guyana		TO: Plant Protection Organization(s) of Viet Nam
I. DESCRIPTION OF CONSIGNMENT		
Name and Address of Exporter		Declared Name and Address of Consignee
		Viet Nam
Declared Means of Conveyance		Declared Point of Entry
Maritime transport -		Viet Nam (VN)
Distinguishing Marks		
1: 576752 -		
II. COMMODITIES		
1	Name of Produce and Quantity	Place of Origin
B ti N		Guyana
Number and Description of Packages		
47 Pieces		
Distinguishing Marks		
As addressed		
ADDITIONAL DECLARATION		
Additional Information		
Import Permit Number:		Date of Inspection:

This is to certify that the plants, plant product or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests, specified by the importing contracting party and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party including those for regulated non-quarantine pests.
This certificate replaces and cancels GY-PURVNIJ56OV261 issued on 2023-08-09 due to Customer request change in Consignee name from Dai Lou to Dai Loi.

Place of Issue Port Georgetown (Boat House)

Name of authorized Brian Sears



Date: 17-08-2023

Signature:

No financial liability with respect to this certificate shall attach to Cooperative Republic of Guyana or to any of its officers or representatives.

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường. Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.